

BÙI VĂN HỒNG - NGUYỄN THỊ CẨM VÂN
TRẦN VĂN SỸ



TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN CÔNG NGHỆ



Danh mục chữ viết tắt

GV	Giáo viên
HS	Học sinh
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên
SBT	Sách bài tập

Chân trời sáng tạo

Lời nói đầu

Nhằm giúp các giáo viên trung học cơ sở hiểu rõ những nội dung cơ bản trong Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổ chức hoạt động dạy học môn Công nghệ lớp 6 hiệu quả, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tổ chức biên soạn **Tài liệu tập huấn giáo viên Công nghệ 6 (Bộ sách: Chân trời sáng tạo)**.

Cuốn tài liệu được cấu trúc gồm 3 phần:

Phần một: Hướng dẫn chung về sách giáo khoa Công nghệ 6. Nội dung phần này tập trung giới thiệu về sách giáo khoa Công nghệ 6; về cấu trúc sách và cấu trúc mỗi chủ đề, bài học trong sách giáo khoa; về phương pháp tổ chức hoạt động; về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; về khai thác thiết bị và học liệu trong tổ chức hoạt động cũng như cách khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Phần hai: Hướng dẫn tổ chức dạy học các dạng bài trong sách giáo khoa Công nghệ 6. Nội dung phần này chủ yếu gợi ý, hướng dẫn cho giáo viên cách tổ chức dạy học các dạng bài trong sách giáo khoa Công nghệ 6, bao gồm: hướng dẫn dạy học cho dạng bài tích hợp theo chủ đề, hướng dẫn dạy học cho dự án học tập và hướng dẫn dạy học cho dạng bài ôn tập chương.

Phần ba: Các nội dung khác. Nội dung phần này chú trọng giới thiệu và hướng dẫn cho giáo viên cách sử dụng hiệu quả sách giáo viên Công nghệ 6 cũng như giới thiệu về sách bổ trợ, sách tham khảo cho môn học.

Tài liệu tập huấn dạy học theo sách giáo khoa Công nghệ 6 được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và trên cơ sở kế thừa, phát triển những thành tựu đổi mới về phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động theo định hướng phát triển năng lực. Do đó, các tác giả hi vọng đây sẽ là tài liệu hữu ích, thiết thực cho các giáo viên khi triển khai đồng bộ, đại trà chương trình và sách giáo khoa Công nghệ 6. Đồng thời, tài liệu cũng được biên soạn theo hướng mở nhằm giúp giáo viên có thể chủ động, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động phù hợp với điều kiện của các địa phương và năng lực thực tế của học sinh trên mọi vùng miền đất nước.

Tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý của quý thầy cô giáo và độc giả để tài liệu được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

TÁC GIẢ

Mục lục

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG	5
1. Giới thiệu sách giáo khoa môn Công nghệ lớp 6	5
1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Công nghệ ở cấp Trung học cơ sở nói chung và lớp 6 nói riêng	5
1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa Công nghệ 6	8
2. Phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học	13
2.1. Ma trận nội dung và yêu cầu cần đạt của chương trình	13
2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Công nghệ 6	21
2.3. Đặc điểm cấu trúc bài học	23
2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng	24
3. Phương pháp dạy học môn Công nghệ	36
3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Công nghệ	36
3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	37
4. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Công nghệ	38
4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất	38
4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực môn Công nghệ	39
5. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các tài liệu học điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43
5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử	43
5.2. Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học môn Công nghệ	43
6. Một số lưu ý lập kế hoạch dạy học môn Công nghệ	44
6.1. Nội dung học tập	44
6.2. Phương pháp dạy học	44
6.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập	45
PHẦN HAI. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI	46
1. Hướng dẫn dạy học cho dạng bài tích hợp theo chủ đề	46
2. Hướng dẫn dạy học cho dự án học tập	52
3. Hướng dẫn dạy học cho dạng bài ôn tập chương	54
PHẦN BA. CÁC NỘI DUNG KHÁC	56
1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên	56
1.1. Kết cấu sách giáo viên	56
1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả	57
2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ	57
2.1. Cấu trúc sách bổ trợ	57
2.2. Phân tích, hướng dẫn sử dụng sách bài tập Công nghệ 6	58

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 6

1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Công nghệ ở cấp Trung học cơ sở nói chung và lớp 6 nói riêng

SGK Công nghệ được biên soạn nhằm đáp ứng các yêu cầu chung:

– Theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông với trọng tâm là chuyển nền giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang hình thành và phát triển toàn diện các phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, được thể hiện qua:

- Nghị quyết 29–NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK phổ thông.

- Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình môn Công nghệ được ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Luật Giáo dục (sửa đổi) 2019.

– Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới được ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ tiêu chuẩn về điều kiện tiên quyết đến các tiêu chuẩn về nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, cấu trúc SGK, ngôn ngữ sử dụng và hình thức trình bày SGK.

Với tư tưởng xem SGK là phương tiện chuyển tải tri thức, truyền cảm hứng để HS tìm tòi, khám phá, sáng tạo và kiến tạo các giá trị của bản thân, bộ sách Công nghệ được biên soạn dựa trên các phương pháp tiếp cận nổi bật:

– Tích cực hoá và định hướng vào người học:

Đây chính là phương pháp tiếp cận “lấy hoạt động học làm trung tâm” đã, đang và sẽ tiếp tục được vận dụng trong giáo dục ở nước ta và trên thế giới. Tích cực hoá và định hướng vào người học nhằm thúc đẩy động cơ học tập của HS, huy động sự tham gia chủ động, tích cực và tự lực của HS trong quá trình học tập. Nội dung học tập phù hợp với hứng thú, kinh nghiệm thực tế của người học. Phương pháp tổ chức chú trọng hoạt động tự lực, rèn luyện cho HS phương pháp tự học, tìm tòi, nghiên cứu. Trong đó, hoạt động học tập của HS là trung tâm của quá trình dạy học.

– Phát triển năng lực người học:

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực, tập trung vào những nội dung cốt lõi và khả năng vận dụng kiến thức. GV tạo ra môi trường để HS hoạt động; tự lực khám phá tri thức; rèn luyện năng lực, kĩ năng và hình thành nhân cách dựa trên những kinh nghiệm đã được tích lũy. Từ đó, HS nhận ra được giá trị của tri thức và vận dụng tri thức đó vào thực tiễn tức là thông qua hoạt động học tập, hình thành cho HS các năng lực để biến quá trình học tập thành quá trình phát triển tư duy sáng tạo. Một trong những giải pháp giáo dục hiện đại giúp phát huy tối đa năng lực người học là tổ chức hoạt động trải nghiệm trong các tình huống nhận thức và thực tiễn.

Định hướng đổi mới giáo dục phổ thông, chú trọng mục tiêu hình thành và phát triển năng lực của người học. Do đó, nội dung kiến thức khoa học của SGK được lựa chọn nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung theo Chương trình Giáo dục tổng thể và các năng lực đặc thù của môn Công nghệ.

– Học tập dựa trên hoạt động trải nghiệm, dựa trên vấn đề:

Học tập trải nghiệm tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế; phát triển cảm xúc; huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm đã có để thực hiện những nhiệm vụ được giao, giải quyết những vấn đề của thực tiễn.

Bản chất của học tập trải nghiệm là học thông qua làm và phản ánh nên nội dung SGK Công nghệ 6 được cấu trúc theo hình thức tích hợp lí thuyết khoa học với thực hành kĩ thuật trong mỗi bài học và dự án học tập cuối mỗi chương để giúp HS củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng. Qua đó, phát triển năng lực chuyên môn công nghệ và năng lực cốt lõi chung của người học. Vì vậy, học tập dựa trên hoạt động trải nghiệm trong môn Công nghệ được thực hiện thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập theo chủ đề tích hợp và học tập thông qua dự án.

– *Giáo dục công nghệ và giáo dục STEM:*

Quan điểm giáo dục công nghệ thể hiện qua việc chuyển tải đến HS những hệ thống kiến thức về kĩ thuật, thông tin và quy trình công nghệ; bao gồm kiến thức, thiết bị, phương pháp và các hệ thống dùng trong việc tạo ra hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

STEM là viết tắt của các từ: Science (Khoa học), Technology (Công nghệ), Engineering (Kĩ thuật) và Math (Toán học). Về bản chất, giáo dục STEM được hiểu là trang bị cho người học những kiến thức và kĩ năng cần thiết, liên quan đến các lĩnh vực: khoa học, công nghệ, kĩ thuật và toán học. Những kiến thức và kĩ năng này được tích hợp và lồng ghép, bổ trợ lẫn nhau để giúp HS vừa hiểu được nguyên lí, vừa có thể áp dụng để thực hành và tạo ra được những sản phẩm trong cuộc sống thường ngày. Với kĩ năng khoa học, HS được trang bị kiến thức về các khái niệm, các nguyên lí, các định luật và các cơ sở lí thuyết của giáo dục khoa học. Từ đó, HS có khả năng liên kết các kiến thức để thực hành và có tư duy sử dụng kiến thức vào thực tiễn để giải quyết vấn đề. Kĩ năng công nghệ giúp HS có khả năng sử dụng và quản lí công nghệ từ những vật dụng đơn giản đến những hệ thống phức tạp. Kĩ năng kĩ thuật giúp HS có cái nhìn tổng quan và đưa ra được những giải pháp trong các vấn đề liên quan đến thiết kế, xây dựng quy trình. Cuối cùng, kĩ năng toán học giúp HS hiện thực hoá ý tưởng một cách chính xác, áp dụng các khái niệm và kĩ năng toán học vào mọi khía cạnh trong cuộc sống hằng ngày. Như vậy, giáo dục STEM là phương thức giáo dục tích hợp theo cách tiếp cận liên môn và thông qua thực hành, ứng dụng. Bên cạnh đó, giáo dục STEM đề cao việc hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề, thúc đẩy phong cách học tập sáng tạo của người học.

Ở phổ thông, môn Công nghệ có mối quan hệ với nhiều lĩnh vực giáo dục khác, đặc biệt là Toán, Khoa học tự nhiên và Tin học. Vì vậy, môn Công nghệ có vai trò thúc đẩy giáo dục STEM ở cấp Trung học cơ sở và tạo nền tảng phát triển năng lực STEM cho HS ở cấp Trung học phổ thông, góp phần định hướng nghề nghiệp cho HS sau trung học, phù hợp với yêu cầu nhân lực của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

– *Hội nhập xu hướng xã hội hiện đại:*

Lĩnh vực công nghệ có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển của khoa học. Nếu khoa học hướng tới giải thích, khám phá thế giới thì công nghệ dựa trên những thành tựu của khoa học để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ nhằm giải quyết những vấn đề của thực tiễn, cải tạo thế giới và định hình môi trường sống của con người. Vì vậy, những thông tin và phương pháp trong lĩnh vực công nghệ luôn biến chuyển theo sự phát triển của khoa học. Nội dung SGK Công nghệ mang đến những kiến thức, những cách ứng xử, tương tác với sự vật, hiện tượng diễn ra trong thực tiễn



theo xu hướng của xã hội hiện đại, cập nhật những thông tin mới trong lĩnh vực công nghệ, kĩ thuật.

Lớp 6 đánh dấu giai đoạn quan trọng trong quá trình phát triển trí tuệ và nhân cách của HS. Ở giai đoạn này, HS tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành ở cấp Tiểu học; tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội. Ngoài những yêu cầu đối với SGK Công nghệ nói chung, nội dung của SGK Công nghệ 6 còn đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và những trải nghiệm của HS; giúp HS có được những tri thức, kĩ năng về công nghệ trong phạm vi gia đình, những kiến thức ban đầu về ngành nghề trong các lĩnh vực công nghệ liên quan. Sách sử dụng học liệu, từ ngữ, hình ảnh rõ ràng, trong sáng, dễ hiểu để phù hợp với mức độ tư duy và đặc điểm tâm lí của HS.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa Công nghệ 6

SGK Công nghệ 6 hiện thực hoá các quan điểm biên soạn SGK Công nghệ nói chung, thể hiện cách tiếp cận của SGK hiện đại theo mô hình SGK phát triển năng lực của các nước phát triển như: Cộng hoà Liên bang Đức, Cộng hoà Phần Lan. Cấu trúc sách và cấu trúc, nội dung các bài học trong SGK Công nghệ 6 được thiết kế trên cơ sở các lí thuyết về tâm lí học và giáo dục học như: lí thuyết kiến tạo của Jean Piaget, John Dewey; lí thuyết hoạt động của Lev Vygotsky; lí thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb; thang nhận thức, kĩ năng của Benjamin. S. Bloom và Krathworth.

Sau đây là những điểm đổi mới cơ bản của SGK Công nghệ 6:

1.2.1. Phát triển năng lực và học tập dựa trên hoạt động trải nghiệm

Nội dung SGK Công nghệ 6 được biên soạn theo phương pháp học tập dựa trên hoạt động trải nghiệm. Thông qua quan sát, phân tích hoặc đánh giá những hoạt động, những sự vật, hiện tượng diễn ra trong cuộc sống, HS tìm kiếm cách giải quyết vấn đề bằng việc sử dụng các dữ liệu, thông tin từ SGK và kinh nghiệm đã có của bản thân. Qua đó, HS phát hiện và khái quát hoá thành kiến thức khoa học, kinh nghiệm mới cho bản thân để vận dụng vào cuộc sống.

1. CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG THƯỜNG DÙNG TRONG NGÔI NHÀ

Hãy quan sát Hình 2.1 và cho biết những nguồn năng lượng nào được sử dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình.



Hình 2.1. Sử dụng các nguồn năng lượng thông dụng trong gia đình

Hãy kể thêm những nguồn năng lượng khác được sử dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình.

Con người thường sử dụng năng lượng điện, năng lượng chất đốt để thực hiện các hoạt động hằng ngày trong gia đình.

- Điện là nguồn cung cấp năng lượng cho nhiều loại đồ dùng điện để chiếu sáng, nấu ăn, giặt, là (ủi), học tập, giải trí,...
- Chất đốt thường được sử dụng để nấu ăn, sưởi ấm, và cũng có thể được dùng để chiếu sáng cho ngôi nhà.

Ngoài ra, người ta còn sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió để chiếu sáng, phơi khô,... hoặc tạo ra điện dùng để vận hành các đồ dùng điện trong gia đình.

Mỗi bài học trong SGK Công nghệ 6 là một chuỗi các hoạt động cho HS khám phá tri thức mới thông qua các giai đoạn của học tập trải nghiệm, bao gồm: *Khởi động*, *Khám phá kiến thức mới*, *Luyện tập*, *Vận dụng*, *Kết luận*. Mỗi nội dung kiến thức được thiết kế thành các hoạt động bắt đầu từ việc cung cấp cho HS các dữ kiện, hình ảnh hoặc tình huống trong thực tiễn. HS sẽ dựa vào sự quan sát, tìm hiểu, phân tích hoặc sắp xếp các dữ liệu hình ảnh minh họa sự vật, hiện tượng để tìm phương án trả lời; thực hiện các yêu cầu để nhận biết, khám phá đặc điểm, nguyên lí, tác động của các đối tượng công nghệ hay quá trình công nghệ. Qua đó, HS nhận thức nội dung kiến thức mới.

1.2.2. Dạy học dựa trên vấn đề

Mỗi bài học trong SGK Công nghệ 6 được mở đầu bằng một tình huống, sự vật hoặc hiện tượng chứa đựng vấn đề cần đến tri thức mới, cách thức hành động mới để giải quyết.

3

NGÔI NHÀ THÔNG MINH

- Mô tả được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh;
- Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

1

NGÔI NHÀ CỦA EM

Dự án

Người thiết kế chính tạo nên ngôi nhà là kiến trúc sư. Kiến trúc sư dựa trên ý muốn của chủ nhà để thiết kế ngôi nhà phù hợp với các yêu cầu và đạt tính thẩm mỹ.

Em cùng nhóm bạn hãy đóng vai kiến trúc sư và kỹ sư xây dựng để thiết kế, lắp ráp mô hình một ngôi nhà theo ý thích của mình.

1. MỤC TIÊU

Xây dựng ý tưởng thiết kế và lắp ráp được một mô hình nhà ở từ các vật liệu có sẵn.

2. NHIỆM VỤ

- Lắp ráp mô hình ngôi nhà từ vật liệu có sẵn.
- Sắp xếp mô hình các đồ dùng, thiết bị chủ yếu ở từng khu vực trong ngôi nhà.

Ở cuối mỗi chủ đề của môn học, các tác giả thiết kế những dự án học tập mang tính tích hợp, liên kết nhiều lĩnh vực khoa học, kết nối nghề nghiệp nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và phát huy tính sáng tạo của HS. Chủ đề của dự án đòi hỏi HS phải vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học của môn Công nghệ tích hợp với

kiến thức, kĩ năng ở các môn học khác để giải quyết những vấn đề thực tiễn. Đây cũng là những chủ đề mang tính gợi ý để GV có thể kết hợp cùng tổ chức kiểm tra nhằm đánh giá sự phát triển phẩm chất và năng lực của HS.

1.2.3. Thể hiện quan điểm giáo dục công nghệ và giáo dục STEM

5. ĐỌC NHÃN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC

5.1. Ý nghĩa của kí hiệu trên nhãn hướng dẫn

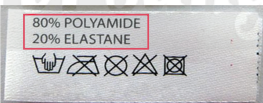
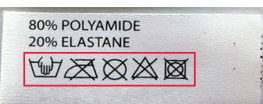
Phần lớn quần áo may sẵn đều có đính nhãn ghi thành phần sợi dệt và kí hiệu quy định chế độ giặt, là để người sử dụng tuân theo, tránh làm hư hỏng sản phẩm. Dưới đây là một số kí hiệu giặt, là thông dụng.

Bảng 7.3. Một số kí hiệu giặt, là thông dụng

	Có thể giặt		Có thể sấy		Chỉ là với nhiệt độ thấp
	Không được giặt		Không được sấy		Có thể là với nhiệt độ trung bình
	Chỉ giặt bằng tay		Có thể tẩy		Có thể là với nhiệt độ cao (không quá 200 °C)
	Có thể giặt với nhiệt độ cao nhất là 30 °C		Không được tẩy		Không được là

5.2. Các bước đọc nhãn hướng dẫn

Bảng 7.4. Quy trình đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục

TT	Các bước thực hiện	Chi tiết và hình minh họa	Yêu cầu cần đạt
1	Xác định loại trang phục được gắn nhãn	Áo ngắn, váy, đầm, quần, khăn choàng,...	Nhận biết được loại trang phục
2	Đọc thành phần sợi dệt trên nhãn		Nhận biết được thành phần sợi dệt
3	Đọc các kí hiệu sử dụng và bảo quản		Nhận biết được các kí hiệu
4	Ghi nhận cách sử dụng và bảo quản trang phục được gắn nhãn	Vẽ và giải thích các kí hiệu	– Cách giặt – Cách là – Các hướng dẫn khác

Một số kí hiệu khác về giặt, là có thể gặp trên nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục:



Giặt với nhiệt độ thấp



Nên giặt khô



Sấy với nhiệt độ thấp



Không giặt khô



SGK Công nghệ 6 được biên soạn đáp ứng các yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Công nghệ, phát triển các năng lực đặc thù của môn học: *nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, sử dụng công nghệ, đánh giá công nghệ, thiết kế kĩ thuật*. Với mục tiêu giúp HS học để *sống, học để biết, học để làm*; nội dung khoa học trong SGK Công nghệ 6 được biên soạn theo hướng “mở” và được thiết kế thành các hoạt động gắn liền với tình huống thực tiễn và phức hợp. Bên cạnh đó, nội dung sách còn tăng cường các hoạt động có tính thực hành, đảm bảo gắn kết với lí thuyết để HS vận dụng kiến thức khoa học, giải quyết các vấn đề cụ thể của thực tiễn cuộc sống. Mỗi hoạt động yêu cầu HS dựa trên sự huy động và sử dụng có hiệu quả nhiều nguồn kiến thức, kĩ năng khác nhau để tự tìm tòi, khám phá, sáng tạo để kiến tạo, hình thành nên hiểu biết, năng lực của bản thân. Mỗi nội dung mang tính thực hành trong sách SGK Công nghệ 6 đều trình bày kiến thức liên quan, phương pháp thực hiện làm cơ sở cho hoạt động thực hành. Các quá trình công nghệ được trình bày theo một quy trình với các bước tiến hành cụ thể kèm theo minh hoạ và yêu cầu cần đạt ở mỗi bước, giúp HS tự đánh giá thao tác thực hành của bản thân. Các bài luyện tập, các dự án học tập được thiết kế nhằm yêu cầu HS tích hợp các kiến thức và kĩ năng trong các lĩnh vực khoa học, kĩ thuật, công nghệ và toán học để hoàn thành nhiệm vụ. Điều này cũng tạo thuận lợi cho GV khi đánh giá quá trình và kết quả học tập của HS. Ngoài ra, phương pháp hướng dẫn thực hành cũng được trình bày cụ thể trong sách GV nhằm hướng dẫn, gợi ý, giúp GV tổ chức dạy học một cách dễ dàng.

Trong mỗi dự án học tập, HS được đặt ra nhiệm vụ giải quyết vấn đề thực tiễn. Dựa vào những kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm đã có, HS vận dụng để thực hiện và hoàn thành sản phẩm của dự án. Thông qua kết quả thực hiện dự án học tập, GV có thể đánh giá được sự phát triển năng lực của HS.

1.2.4. Thể hiện tính mở của chương trình

Do chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng “mở”, chỉ quy định những nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục mà không quy định nội dung chi tiết. Do đó, cơ sở giáo dục và GV môn học được chủ động, linh hoạt lựa chọn, bổ sung hoặc điều chỉnh nội dung phù hợp với điều kiện dạy và học cụ thể ở địa phương để đáp ứng yêu cầu cần đạt mà chuẩn giáo dục của môn học quy định. SGK Công nghệ 6 một mặt thể hiện đúng và đầy đủ nội dung, đảm bảo đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; mặt khác thể hiện hướng “mở”, không bắt buộc GV phải sử dụng đúng những tình huống, học liệu hoặc sản phẩm thể hiện trong SGK. Căn cứ vào điều kiện dạy học và đối tượng HS cụ thể ở từng địa phương, GV môn học có thể chủ động, linh hoạt lựa chọn học liệu hoặc sản phẩm tương tự để thiết kế giáo án, nhằm đáp ứng mục tiêu của mỗi bài học và yêu cầu cần đạt của chương trình môn học. Các bài luyện tập, vận dụng được thiết kế “mở”, linh hoạt, phù hợp với điều kiện gia đình, địa phương, cơ sở giáo dục và khích lệ HS tự chủ trong rèn luyện, sáng tạo theo cách của mình.

2. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Ma trận nội dung và yêu cầu cần đạt của chương trình

Nội dung SGK Công nghệ 6 đảm bảo đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung đã được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể. Bảng dưới đây mô tả nội dung mỗi bài học đáp ứng các phẩm chất, năng lực chung của Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể.

Quy ước kí hiệu viết tắt trong bảng:

– **Phẩm chất:** Yêu Nước (YN), Nhân Ái (NA), Chăm Chỉ (CC), Trung Thực (TT), Trách Nhiệm (TN)

– **Năng lực chung:** Tự chủ, tự học (TCTH); Giao tiếp và hợp tác (GTHT); Giải quyết vấn đề và sáng tạo (GQST)

Nội dung chính	Phẩm chất	Năng lực
CHƯƠNG 1. NHÀ Ở		
Bài 1. Nhà ở đối với con người 1. Vai trò của nhà ở 2. Đặc điểm chung của nhà ở 3. Một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam 4. Vật liệu xây dựng nhà 5. Quy trình xây dựng nhà ở	NA: tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc CC: có ý thức vận dụng những kiến thức, kĩ năng học được vào học tập và đời sống hằng ngày TN: quan tâm đến các công việc của gia đình	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học
Bài 2. Sử dụng năng lượng trong gia đình 1. Các nguồn năng lượng thường dùng trong ngôi nhà 2. Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả 3. Biện pháp tiết kiệm năng lượng chất đốt trong gia đình	YN: chủ động tham gia hoạt động bảo vệ thiên nhiên CC: có ý thức vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày; có ý thức tham gia công việc ở gia đình TN: có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học
Bài 3. Ngôi nhà thông minh 1. Khái niệm ngôi nhà thông minh 2. Đặc điểm ngôi nhà thông minh	CC: có ý thức vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học



Nội dung chính	Phẩm chất	Năng lực
Dự án 1. Ngôi nhà của em 1. Mục tiêu 2. Nhiệm vụ 3. Dụng cụ, vật liệu 4. Câu hỏi gợi ý 5. Sản phẩm	CC: có ý thức về nhiệm vụ học tập; vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày TN: có trách nhiệm, quan tâm đến công việc của tập thể	TCTH: nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học GTHT: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của dự án GQST: nhận ra ý tưởng mới; phát hiện và làm rõ vấn đề; hình thành và triển khai ý tưởng mới; đề xuất, lựa chọn giải pháp; thiết kế và tổ chức hoạt động
CHƯƠNG 2. BẢO QUẢN VÀ CHÉ BIẾN THỰC PHẨM		
Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng 1. Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm 2. Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể 3. Chế độ ăn uống khoa học 4. Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí 5. Các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí	NA: yêu quý, quan tâm đến sức khoẻ của các thành viên trong gia đình CC: có ý thức về nhiệm vụ học tập; vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày TN: có trách nhiệm với bản thân và gia đình; ý thức rèn luyện, chăm sóc sức khoẻ bản thân; tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học GQST: xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề về dinh dưỡng hợp lí; đề xuất được giải pháp cho bữa ăn dinh dưỡng hợp lí

Nội dung chính	Phẩm chất	Năng lực
Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm 1. Bảo quản thực phẩm 2. Chế biến thực phẩm 3. Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt	CC: có ý thức về nhiệm vụ học tập; vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày TN: quan tâm, có ý thức tham gia công việc ở gia đình	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học GQST: xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến món ăn, đề xuất giải pháp trong chế biến món ăn
Dự án 2. Món ăn cho bữa cơm gia đình 1. Mục tiêu 2. Nhiệm vụ 3. Dụng cụ, vật liệu 4. Câu hỏi gợi ý 5. Sản phẩm	CC: có ý thức về nhiệm vụ học tập; vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày; có ý thức tham gia công việc ở gia đình TN: có trách nhiệm, quan tâm đến công việc của tập thể	TCTH: nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học GTHT: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của dự án GQST: nhận ra ý tưởng mới; phát hiện và làm rõ vấn đề; hình thành và triển khai ý tưởng mới; đề xuất, lựa chọn giải pháp; thiết kế và tổ chức hoạt động
CHƯƠNG 3. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG		
Bài 6. Các loại vải thường dùng trong may mặc 1. Vải sợi thiên nhiên 2. Vải sợi hoá học 3. Vải sợi pha	CC: có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học



Nội dung chính	Phẩm chất	Năng lực
Bài 7. Trang phục 1. Trang phục và vai trò của trang phục 2. Các loại trang phục 3. Lựa chọn trang phục 4. Sử dụng và bảo quản trang phục 5. Đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục	CC: có ý thức vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày; có ý thức tham gia công việc ở gia đình TN: có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lí trang phục của bản thân và người thân trong gia đình	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học GTHT: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với kí hiệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng
Bài 8. Thời trang 1. Thời trang và phong cách thời trang 2. Thời trang phản ánh tích cách của người mặc 3. Lựa chọn trang phục phù hợp theo thời trang	NA: tôn trọng sự khác biệt về phong cách cá nhân của người khác CC: có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày TN: có ý thức lựa chọn trang phục phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng đã học
Dự án 3. Em làm nhà thiết kế thời trang 1. Mục tiêu 2. Nhiệm vụ 3. Dụng cụ, vật liệu 4. Câu hỏi gợi ý 5. Sản phẩm	CC: có ý thức về nhiệm vụ học tập; vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày TN: có trách nhiệm, quan tâm đến công việc của tập thể	TCTH: nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học GTHT: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của dự án GQST: nhận ra ý tưởng mới; phát hiện và làm rõ vấn đề; hình thành và triển khai ý tưởng mới; đề xuất, lựa chọn giải pháp; thiết kế và tổ chức hoạt động

CHƯƠNG 4. ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH

Bài 9. Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình 1. Một số đồ dùng điện trong gia đình 2. Lựa chọn đồ dùng tiết kiệm điện	CC: có ý thức về nhiệm vụ học tập; vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày TN: có trách nhiệm với gia đình; ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng đã học
Bài 10. An toàn điện trong gia đình 1. Nguyên nhân gây ra tai nạn điện giật 2. Một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện	CC: có ý thức về nhiệm vụ học tập; vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày	TCTH: chủ động, tích cực học tập; vận dụng linh hoạt những hoạt kiến thức, kĩ năng đã học
Dự án 4. Tiết kiệm trong sử dụng điện 1. Mục tiêu 2. Nhiệm vụ 3. Dụng cụ, vật liệu 4. Câu hỏi gợi ý 5. Sản phẩm	CC: có ý thức về nhiệm vụ học tập; vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày; có ý thức tham gia công việc ở gia đình TN: có trách nhiệm, quan tâm đến công việc của tập thể	TCTH: nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng đã học GTHT: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của dự án. GQST: nhận ra ý tưởng mới; phát hiện và làm rõ vấn đề; hình thành và triển khai ý tưởng mới; đề xuất, lựa chọn giải pháp; thiết kế và tổ chức hoạt động

SGK Công nghệ nói chung và SGK Công nghệ 6 nói riêng được cấu trúc theo từng chương. Sách gồm 4 chương, tương ứng với 4 chủ đề trong chương trình môn học. Mỗi chương gồm một số bài học được xây dựng theo mạch kiến thức đáp ứng các yêu cầu cần đạt của chương trình. Sự chuyển hoá từ yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn Công nghệ lớp 6 thành các chương và bài học của SGK được thể hiện trong bảng sau đây:

CHƯƠNG TRÌNH GDPT MÔN CÔNG NGHỆ 2018 Lớp 6 – Công nghệ trong gia đình		Mạch kiến thức SGK Công nghệ 6
Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Chương / Bài
1. NHÀ Ở	1.1. Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam. 1.2. Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. 1.3. Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. 1.4. Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.	CHƯƠNG 1. NHÀ Ở
		Bài 1. Nhà ở đối với con người (1.1; 1.2) 1. Vai trò của nhà ở 2. Đặc điểm chung của nhà ở 3. Một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam 4. Vật liệu xây dựng nhà 5. Quy trình xây dựng nhà ở
		Bài 2. Sử dụng năng lượng trong gia đình (1.3) 1. Các nguồn năng lượng thường dùng trong ngôi nhà 2. Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả 2.1. Lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng 2.2. Biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình 2.3. Biện pháp tiết kiệm năng lượng chất đốt trong gia đình
		Bài 3. Ngôi nhà thông minh (1.4) 1. Khái niệm ngôi nhà thông minh 2. Đặc điểm ngôi nhà thông minh

		CHƯƠNG 2. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
2. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM	2.1. Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người. 2.2. Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. 2.3. Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến. 2.4. Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. 2.5. Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. 2.6. Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.	Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng (2.1; 2.5; 2.6) - Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm - Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể - Chế độ ăn uống khoa học - Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý - Phân chia số bữa ăn hợp lý - Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý - Các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lý - Chi phí bữa ăn - Các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý
		Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình (2.2; 2.3; 2.4; 2.5) - Bảo quản thực phẩm - Vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm - Phương pháp bảo quản thực phẩm - Chế biến thực phẩm - Vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm - Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt - Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt - Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt - Quy trình chung - Yêu cầu kỹ thuật - Các bước chế biến



		CHƯƠNG 3. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG
3. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG	3.1. Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống; các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. 3.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân. 3.3. Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. 3.4. Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.	Bài 6. Các loại vải thường dùng trong may mặc (3.1) 1. Vải sợi thiên nhiên 2. Vải sợi hoá học 3. Vải sợi pha
		Bài 7. Trang phục (3.1; 3.3; 3.4) 1. Trang phục và vai trò của trang phục 2. Các loại trang phục 3. Lựa chọn trang phục 3.1. Chọn trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể 3.2. Chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi 3.3. Chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc 3.4. Lựa chọn phối hợp trang phục 4. Sử dụng và bảo quản trang phục 4.1. Giặt, phơi 4.2. Là (Ủi) 4.3. Cất giữ trang phục 5. Đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục 5.1. Ý nghĩa của kí hiệu trên nhãn hướng dẫn 5.2. Các bước đọc nhãn hướng dẫn
		Bài 8. Thời trang (3.2; 3.3) 1. Thời trang và phong cách thời trang 2. Thời trang phản ánh tích cách của người mặc 3. Lựa chọn trang phục phù hợp theo thời trang 3.1. Một số lưu ý khi lựa chọn trang phục theo thời trang 3.2. Các bước lựa chọn trang phục theo thời trang

CHƯƠNG 4. ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH	
4. ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH	Bài 9. Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình (4.1; 4.2; 4.3) 1. Một số đồ dùng điện trong gia đình 1.1. Bàn là (bàn ủi) a. Cấu tạo và thông số kĩ thuật b. Nguyên lí hoạt động c. Sử dụng bàn là 1.2. Đèn LED (Light Emitting Diode) a. Cấu tạo và thông số kĩ thuật b. Nguyên lí hoạt động c. Lưu ý khi sử dụng đèn LED 1.3. Máy xay thực phẩm a. Cấu tạo và thông số kĩ thuật b. Nguyên lí hoạt động c. Sử dụng máy xay thực phẩm 2. Lựa chọn đồ dùng tiết kiệm điện
	Bài 10. An toàn điện trong gia đình (4.2) 1. Nguyên nhân gây ra tai nạn điện 2. Một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện

2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Công nghệ 6

SGK Công nghệ 6 – bộ sách Chân trời sáng tạo (từ đây viết gọn là SGK Công nghệ 6) được biên soạn bám sát với quan điểm chung của bộ sách. Trong đó, đảm bảo thể hiện đặc trưng của bộ môn Công nghệ là thực tiễn và sáng tạo. Cấu trúc và nội dung sách có một số điểm đổi mới căn bản khi thiết kế các nội dung theo chủ đề trọn vẹn, giúp GV linh hoạt hơn trong việc tổ chức giảng dạy tùy theo tình hình thực tế của lớp học.

Tuân thủ quy định của Thông tư số 33, cấu trúc SGK Công nghệ 6 bao gồm các thành phần cơ bản sau: *Hướng dẫn sử dụng sách*, *Lời nói đầu*, *Mục lục*, *Nội dung chính*, *Giải thích thuật ngữ*. Theo đó:

– *Hướng dẫn sử dụng sách*: giới thiệu ngắn gọn về các thành phần của bài học, nội dung và ý nghĩa các hoạt động chủ yếu của HS.

– *Lời nói đầu*: giới thiệu ngắn gọn những thông điệp mà nhóm tác giả muốn gửi gắm qua cuốn sách, đồng thời hướng dẫn GV về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

– *Mục lục*: thể hiện trình tự sắp xếp các bài học và số trang bắt đầu mỗi bài để người đọc dễ dàng tra cứu.

– *Nội dung chính*: giới thiệu các bài học với nội dung kiến thức đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

– *Giải thích thuật ngữ*: chọn lọc, giải thích và ghi chú sự xuất hiện của những thuật ngữ chuyên môn quan trọng nhưng chưa được giải thích trong nội dung bài học.

Nội dung chính của sách được thiết kế thành 4 chương với 10 bài học và 4 dự án học tập theo các chủ đề trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Công nghệ lớp 6. Các chương được sắp xếp theo mức độ phức tạp tăng dần của kiến thức như sau:

- Chương 1: Nhà ở
- Chương 2: Bảo quản và chế biến thực phẩm
- Chương 3: Trang phục và thời trang
- Chương 4: Đồ dùng điện trong gia đình

Quan điểm xây dựng SGK theo hướng “mở” cho phép GV có thể hoán đổi thứ tự các chủ đề trong quá trình tổ chức giảng dạy tùy theo tình hình thực tế của lớp học mà không làm ảnh hưởng đến mạch kiến thức của môn học.

Cấu trúc mỗi chương gồm các thành phần sau:

– *Trang đầu chương*: nêu những nội dung sẽ được trình bày trong chương và các câu hỏi kích thích HS suy nghĩ về những vấn đề sẽ được trình bày trong chương.

– *Các bài học*: giới thiệu các bài học như một chỉnh thể kiến thức, kỹ năng, thái độ liên quan trực tiếp đến yêu cầu cần đạt của môn học. Mỗi bài học là một đơn vị dạy học xoay quanh một chủ đề với các thành phần kiến thức kết hợp hoạt động thực hành để phát triển các phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

– *Dự án học tập*: tùy theo từng chủ đề ở mỗi chương, nhóm tác giả thiết kế các dự án học tập với các mục tiêu cụ thể mang tính tích hợp kiến thức, kỹ năng của môn Công nghệ với kiến thức, kỹ năng ở các môn học khác để yêu cầu HS thực hiện một nhiệm vụ, tạo ra sản phẩm có thể trình bày, báo cáo. Các dự án học tập giúp HS trải nghiệm, tăng cường hoạt động nhóm, vận dụng phối hợp các kiến thức, kỹ năng đã học một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, các dự án học tập cũng tích hợp nội dung hướng nghiệp, cung cấp cho HS những thông tin cơ bản về nghề nghiệp liên quan đến chủ đề của chương. Đây cũng là những chủ đề mà GV có thể vận dụng kết hợp để tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của HS.

– *Ôn tập*: hệ thống hoá kiến thức trong chương dưới dạng sơ đồ kèm theo các câu hỏi ôn tập giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức và vận dụng chúng vào thực tiễn.

2.3. Đặc điểm cấu trúc bài học

Tuân thủ quy định ở mục 2, Điều 7 của Thông tư số 33, cấu trúc mỗi bài học trong SGK Công nghệ 6 bao gồm các thành phần cơ bản sau: *Khởi động*, *Kiến thức mới*, *Luyện tập*, *Vận dụng*. Sau mỗi bài học là phần *Ghi nhớ*, một số bài học có thể có phần *Thế giới quanh em*, giúp HS mở rộng thêm kiến thức về chủ đề của bài học.

2.3.1. Khởi động

Về cơ bản, hoạt động này tương ứng với thành phần *Mở đầu* theo quy định của Thông tư số 33 và là sự kế thừa nội dung *Giới thiệu bài* trong SGK hiện hành. Tuy nhiên, không chỉ tạo tâm thế, dẫn ý để HS bước vào bài học mới như SGK hiện hành, mục đích chủ yếu của hoạt động này trong SGK Công nghệ 6 là tạo tình huống học tập dựa trên sự huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS; làm bộc lộ mâu thuẫn giữa “cái đã biết” với “cái chưa biết”. Phần *Khởi động* của SGK Công nghệ 6 được thiết kế thành các câu chuyện, tình huống với hình ảnh và bóng nói, bóng nghĩ nhằm tạo ra sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo nhu cầu “muốn biết”, kích thích tư duy, hứng thú tìm tòi, khám phá kiến thức mới của HS; giúp sách tiếp cận thực tiễn và đi vào thực tiễn.

2.3.2. Khám phá kiến thức

Về cơ bản, hoạt động này tương ứng với thành phần *Kiến thức mới* theo quy định của Thông tư số 33 và là sự kế thừa *Hoạt động cung cấp kiến thức* trong SGK hiện hành. Tuy nhiên, SGK Công nghệ 6 không cung cấp kiến thức có sẵn cho HS như SGK hiện hành mà nội dung bài học được xây dựng theo quan điểm phát triển năng lực, học tập trải nghiệm. Mỗi nội dung kiến thức được trình bày theo trình tự hoạt động:

Giới thiệu tình huống, nêu vấn đề → Tìm hiểu lí thuyết, giải quyết vấn đề → Hình thành khái niệm (kiến thức khoa học).

Mở đầu hoạt động, sách cung cấp các hình ảnh minh hoạ tình huống và nêu câu hỏi, yêu cầu hành động của HS để phát hiện vấn đề. Qua đó, hình thành và phát triển năng lực đặc thù *nhận thức công nghệ*. GV tổ chức, hướng dẫn HS dựa trên các thông tin, dữ liệu từ SGK kết hợp với những kinh nghiệm thực tế của bản thân; quan sát, phân tích, tổng hợp, đánh giá các tình huống và bối cảnh trong thực tế để tự phát hiện các dấu hiệu, biểu hiện, bản chất, vai trò, giá trị, ý nghĩa, ... của các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Qua đó, HS hình thành kiến thức, kĩ năng cần lĩnh hội trong bài học.

2.3.3. Luyện tập

Về cơ bản, hoạt động này tương ứng với thành phần *Luyện tập* theo quy định của Thông tư số 33 và là sự kế thừa thành phần *Câu hỏi* trong SGK hiện hành. Tuy nhiên, trong SGK Công nghệ 6, hoạt động *Luyện tập* không phải là những câu hỏi tái hiện kiến thức như SGK hiện hành. Hoạt động *Luyện tập* trong SGK Công nghệ 6 yêu cầu HS đọc



và hiểu được các bản vẽ, kí hiệu, quy trình kĩ thuật; đưa ra nhận xét cho một sản phẩm công nghệ hoặc xử lí tình huống dựa trên các kiến thức, kĩ năng vừa học nhằm làm sáng tỏ, củng cố và khắc sâu kiến thức, kĩ năng. Qua đó, củng cố và phát triển các năng lực đặc thù của môn học: *nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, đánh giá công nghệ*. Các bài luyện tập được xây dựng mang tính thực tế, gần gũi với cuộc sống để HS có thể liên hệ thực tế và rút ra kinh nghiệm, gia tăng giá trị tri thức của bản thân.

2.3.4. Vận dụng

Về cơ bản, hoạt động này tương ứng với thành phần *Vận dụng* theo quy định của Thông tư số 33. Nếu so với SGK hiện hành không có nội dung *Vận dụng* trong mỗi bài học thì đây chính là điểm mới khác biệt của SGK Công nghệ 6.

Dạy học phát triển năng lực quan tâm đến việc vận dụng kiến thức đã học vào thực tế để phát triển các năng lực chung của HS như: *tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo*. Trong SGK Công nghệ 6, hoạt động *Vận dụng* nhằm tăng cường ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; tăng cường hứng thú và tính sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân, của gia đình và của cộng đồng.

2.3.5. Ghi nhớ

Về cơ bản, thành phần này là sự kế thừa mục *Ghi nhớ* trong SGK hiện hành. Đây là phần kết luận của bài học, thể hiện cô đọng những giá trị cốt lõi của nội dung bài học.

2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng

2.4.1. Bài 5. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH

a. Vị trí, đặc điểm của bài học

– Bài học “Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình” nằm trong mạch kiến thức về “Bảo quản và chế biến thực phẩm” của SGK Công nghệ 6.

– Sau khi đã học về “Thực phẩm và dinh dưỡng”, ở bài này HS được học các vấn đề về việc bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình.

– Đây là dạng bài vừa có lí thuyết vừa có thực hành, đặc trưng của môn Công nghệ. Trong bài học này, HS được hướng dẫn thực hành để chế biến được một món ăn theo phương pháp không sử dụng nhiệt.

b. Cấu trúc, nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học

Nội dung bài học được biên soạn nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt trong chương trình môn học:

- Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.
- Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.

- Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.
- Hình thành thói quen chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, vệ sinh.

Trong chương trình môn Khoa học ở cấp Tiểu học, HS đã học những kiến thức cơ bản về nấm và vi khuẩn: nấm và vi khuẩn có lợi trong chế biến thực phẩm, nấm gây hư hỏng thực phẩm, nêu được một số cách bảo quản thực phẩm. Do đó, để tiếp nối kiến thức, nội dung bài học trong SGK Công nghệ 6 vừa ôn lại và trình bày kiến thức ở mức độ sâu rộng hơn: nguyên nhân gây hư hỏng thực phẩm, tác động của các phương pháp hoá học và vật lí đến nấm, vi khuẩn và vi sinh vật gây hại. Từ đó, nêu lên các phương pháp bảo quản thực phẩm.

So sánh nội dung bài học của SGK Công nghệ 6 với SGK hiện hành.

SGK Công nghệ 6	SGK hiện hành
Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình 1. Bảo quản thực phẩm 1.1. Vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm 1.2. Phương pháp bảo quản thực phẩm 2. Chế biến thực phẩm 2.1. Vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm 2.2. Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt 2.3. Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt 3. Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt 3.1. Quy trình chung 3.2. Yêu cầu kĩ thuật 3.3. Các bước chế biến	Bài 17. Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn I. Bảo quản chất dinh dưỡng khi chuẩn bị chế biến 1. Thịt, cá 2. Rau, củ, quả, đậu hạt tươi 3. Đậu hạt khô, gạo II. Bảo quản chất dinh dưỡng trong khi chế biến 1. Tại sao phải bảo quản chất dinh dưỡng trong khi chế biến? 2. Ảnh hưởng của nhiệt độ đối với thành phần dinh dưỡng Bài 18. Các phương pháp chế biến thực phẩm I. Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt 1. Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước 2. Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước 3. Phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa 4. Phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo II. Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt 1. Trộn dầu giấm 2. Trộn hỗn hợp 3. Muối chua Bài 19. Thực hành – Trộn dầu giấm rau xà lách 1. Nguyên liệu 2. Quy trình thực hiện Bài 20. Thực hành – Trộn hỗn hợp rau muống 1. Nguyên liệu 2. Quy trình thực hiện

Có thể thấy ở SGK Công nghệ 6, nội dung về thực phẩm và dinh dưỡng không phân tách thành các bài học riêng lẻ như SGK hiện hành mà tập hợp trong một bài học với các thành phần kiến thức và hoạt động thực hành để tạo thành một chỉnh thể kiến thức, kĩ năng và thái độ nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Mạch kiến thức của bài học thể hiện: giới thiệu vai trò, ý nghĩa của phương pháp bảo quản thực phẩm → trình bày các phương pháp bảo quản thực phẩm → giới thiệu vai trò, ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm → trình bày các phương pháp chế biến thực phẩm → thực hành chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt.

Sau phần *Mục tiêu và Khởi động* của bài học, ở phần 1.1. *Vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm* đưa ra hình ảnh thể hiện các trường hợp thực phẩm bị hư hỏng, HS vận dụng kiến thức về nấm và vi khuẩn đã học ở cấp Tiểu học và quan sát hình ảnh để phát hiện các trường hợp thực phẩm bị nấm và vi khuẩn xâm nhập, các trường hợp thực phẩm để lâu ngày. Từ kiến thức về nấm và vi khuẩn có hại, HS khám phá các nguyên nhân khiến thực phẩm bị hư hỏng. GV sử dụng các phương pháp dạy học tích cực để giúp HS đúc kết thành kiến thức của bài học.

Ở phần 1.2. *Phương pháp bảo quản thực phẩm*, sách đưa ra câu dẫn về tác động chính của các yếu tố hoá, lí đến nấm, vi khuẩn và vi sinh vật gây hại, làm cơ sở để HS phát hiện tác động của từng biện pháp bảo quản thực phẩm.

Ở phần 2.2. *Chế biến thực phẩm*, SGK Công nghệ 6 không phân tích, trình bày từng phương pháp chế biến như ở SGK hiện hành. Với quan điểm xây dựng nội dung bài học đáp ứng mục tiêu giáo dục, SGK Công nghệ 6 chỉ trình bày quy trình thực hiện các phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt, làm cơ sở để HS thực hành chế biến món ăn, đáp ứng đúng yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Phần *Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt*, để thể hiện tính “mở” của chương trình, sách chỉ trình bày quy trình chung, yêu cầu kĩ thuật chung của món ăn và minh hoạ các bước chế biến cụ thể cho một món ăn. Khi triển khai giảng dạy, GV có thể căn cứ vào điều kiện thực tế của HS và của địa phương để lựa chọn món ăn cụ thể cho HS thực hiện.

c. Một số trang của bài học

Bài
5

BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH

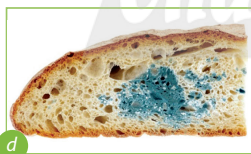
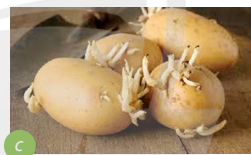
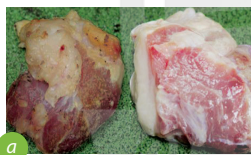


Thực phẩm đã được bảo quản và chế biến thành những món ăn như thế nào?

- Nếu được vai trò, ý nghĩa của việc bảo quản và chế biến thực phẩm;
- Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến;
- Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt;
- Chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, vệ sinh.

1. BẢO QUẢN THỰC PHẨM

1.1. Vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm



Hình 5.1. Thực phẩm bị hư hỏng

Quan sát Hình 5.1, em nhận thấy thực phẩm có thể bị hư hỏng do những nguyên nhân nào? Làm thế nào để hạn chế các tác nhân gây hư hỏng thực phẩm?

Thực phẩm khi hư hỏng sẽ bị giảm giá trị dinh dưỡng, gây ngộ độc hoặc gây bệnh, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của người sử dụng. Việc bảo quản có vai trò ngăn chặn sự xâm nhập và phát triển của vi sinh vật gây hại, làm chậm quá trình hư hỏng của thực phẩm. Các phương pháp bảo quản khác nhau tạo nên nhiều sản phẩm thực phẩm có thời hạn sử dụng lâu dài, làm tăng tính đa dạng của thực phẩm, tạo sự thuận tiện cho con người trong việc chế biến và sử dụng.

Việc chế biến có vai trò giúp thực phẩm trở nên chín mềm, dễ tiêu hoá, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho người sử dụng. Thực phẩm có thể được chế biến thành nhiều món ăn có hương vị thơm ngon, đặc trưng cho các dân tộc, vùng miền khác nhau. Các phương pháp chế biến thực phẩm giúp gia tăng tính đa dạng của món ăn, làm phong phú bữa ăn cho con người.

2.2. Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt

a. Trộn hỗn hợp thực phẩm



Bước 1. Sơ chế nguyên liệu



Bước 2. Chế biến món ăn



Bước 3. Trình bày món ăn

Hình 5.4. Quy trình trộn hỗn hợp thực phẩm

Quan sát quy trình trộn hỗn hợp thực phẩm trong Hình 5.4, em hãy cho biết thực phẩm được chế biến như thế nào.

Trộn hỗn hợp là phương pháp trộn các nguyên liệu thực phẩm với hỗn hợp nước trộn, tạo nên món ăn có hương vị đặc trưng. Các loại hỗn hợp nước trộn thường được sử dụng là dầu giấm, nước mắm chua ngọt hoặc các loại sốt như: sốt dầu trứng (sốt mayonnaise), sốt vùng (mè) rang.

Quy trình chung để trộn hỗn hợp thực phẩm gồm các bước:

Bước 1. Sơ chế nguyên liệu: làm sạch các loại nguyên liệu và cắt, thái phù hợp.

Đối với nguyên liệu động vật phải làm chín trước khi cắt, thái.

Bước 2. Chế biến món ăn: pha hỗn hợp nước trộn. Sau đó trộn đều các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn.

Bước 3. Trình bày món ăn: sắp xếp món ăn lên đĩa, trang trí đẹp mắt.

b. Ngâm chua thực phẩm

Em hãy quan sát và cho biết quy trình ngâm chua thực phẩm trong Hình 5.5 được thực hiện như thế nào.



Bước 1. Sơ chế nguyên liệu



Bước 2. Chế biến món ăn



Bước 3. Trình bày món ăn

Hình 5.5. Quy trình ngâm chua thực phẩm

3. THỰC HÀNH CHẾ BIẾN MÓN ĂN KHÔNG SỬ DỤNG NHIỆT

Nhóm phương pháp chế biến món ăn không sử dụng nhiệt gồm phương pháp trộn hỗn hợp và phương pháp ngâm chua. Trong đó, trộn hỗn hợp là phương pháp có thể thực hiện nhanh chóng và dễ dàng.

3.1. Quy trình chung

Bước 1. Sơ chế nguyên liệu: làm sạch các loại nguyên liệu và cắt, thái phù hợp. Đối với nguyên liệu động vật phải làm chín trước khi cắt, thái.

Bước 2. Chế biến món ăn: pha hỗn hợp nước trộn. Sau đó trộn đều các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn.

Bước 3. Trình bày món ăn: sắp xếp món ăn ra đĩa, trang trí đẹp mắt.

3.2. Yêu cầu kĩ thuật

- Món ăn ráo nước, có độ giòn và không bị nát.
- Có mùi thơm đặc trưng của các nguyên liệu.
- Có màu sắc đặc trưng của từng loại nguyên liệu.
- Vị vừa ăn.

3.3. Các bước chế biến

Ví dụ: Quy trình chế biến món nộm dưa chuột (dưa leo), cà rốt.

Bảng 5.1. Quy trình chế biến món nộm dưa chuột, cà rốt

TT	Các bước thực hiện	Hình ảnh minh họa	Yêu cầu cần đạt
Sơ chế nguyên liệu			
1	Nhặt, rửa các nguyên liệu		– Cà rốt được gọt vỏ và rửa sạch – Dưa chuột được rửa sạch
2	Cắt, thái từng loại nguyên liệu		Kích thước đều nhau

2.4.2. Bài 7. TRANG PHỤC

a. Vị trí, đặc điểm của bài học

– Bài học “Trang phục” nằm trong mạch kiến thức về “Trang phục và thời trang” của SGK Công nghệ 6.

– Sau khi được học về “Các loại vải thường dùng trong may mặc”, ở bài học này HS sẽ tìm hiểu các vấn đề về vai trò, sự đa dạng, cách sử dụng và bảo quản trang phục trong cuộc sống hằng ngày.

– Đây là dạng bài vừa có lí thuyết vừa có thực hành, đặc trưng của môn Công nghệ.

b. Cấu trúc, nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học

Nội dung bài học được biên soạn nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt trong chương trình môn học như:

- Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.
- Lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm của bản thân, tính chất công việc.
- Sử dụng và bảo quản được một số loại trang phục phổ biến.

So sánh nội dung bài học của SGK Công nghệ 6 với SGK hiện hành:

SGK Công nghệ 6	SGK hiện hành
Bài 7. Trang phục - Trang phục và vai trò của trang phục - Các loại trang phục - Lựa chọn trang phục - Chọn trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể - Chọn màu sắc, hoa văn, chất liệu - Chọn kiểu may - Chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi - Chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc - Lựa chọn phối hợp trang phục - Sử dụng và bảo quản trang phục - Giặt, phơi - Là (Ủi) - Cất giữ trang phục - Đọc nhãn hướng dẫn bảo quản và sử dụng trang phục - Ý nghĩa của kí hiệu trên nhãn hướng dẫn - Các bước đọc nhãn hướng dẫn	Bài 2. Lựa chọn trang phục - Trang phục và chức năng của trang phục - Trang phục là gì? - Các loại trang phục - Chức năng của trang phục - Lựa chọn trang phục - Chọn vải, kiểu may phù hợp với vóc dáng cơ thể - Lựa chọn vải - Lựa chọn kiểu may - Chọn vải, kiểu may phù hợp với lứa tuổi - Sự đồng bộ của trang phục

SGK Công nghệ 6	SGK hiện hành
	Bài 4. Sử dụng và bảo quản trang phục I. Sử dụng trang phục 1. Cách sử dụng trang phục a) Trang phục phù hợp với hoạt động b) Trang phục phù hợp với môi trường và công việc 2. Cách phối hợp trang phục a) Phối hợp hoa văn với vải trơn b) Phối hợp màu sắc II. Bảo quản trang phục 1. Giặt, phơi 2. Là (ủi) a) Dụng cụ là b) Quy trình là c) Kí hiệu giặt, là 3. Cất giữ

Có thể thấy ở SGK Công nghệ 6, nội dung về trang phục không phân tách thành các bài học riêng lẻ như SGK hiện hành mà tập hợp trong một bài học với các thành phần kiến thức và hoạt động thực hành để tạo thành một chỉnh thể kiến thức, kĩ năng và thái độ; đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Mạch kiến thức của bài học thể hiện: giới thiệu khái niệm và vai trò của trang phục → giới thiệu một số loại trang phục cụ thể → trình bày cách chọn lựa trang phục (phụ thuộc các yếu tố chủ quan và khách quan) → trình bày cách sử dụng và bảo quản trang phục → thực hành nhận biết cách sử dụng và bảo quản trang phục từ việc đọc hiểu ý nghĩa của các kí hiệu sử dụng và bảo quản trên nhãn trang phục.

Sau phần *Mục tiêu* và phần *Khởi động của bài học*, ở phần *1. Trang phục và vai trò của trang phục*, sách đưa ra hình ảnh người mặc trang phục rồi yêu cầu HS nhận biết những vật mà người mẫu *mặc* và *mang* trên người, nhận biết những vật dụng mà con người thường mặc và mang trên người trong nhiều hoàn cảnh hoạt động. Từ đó, HS khám phá khái niệm về trang phục. GV sử dụng các phương pháp dạy học tích cực để giúp HS đúc kết thành kiến thức của bài học.

Ở phần *Vai trò của trang phục*, sách không trình bày ngay kết luận mà đưa ra hình ảnh về các trường hợp sử dụng trang phục và yêu cầu HS quan sát, phân tích để nhận ra tác dụng của trang phục trong các điều kiện khí hậu, hoàn cảnh khác nhau. Từ đó, HS phát hiện được vai trò của trang phục trong từng trường hợp. GV sẽ dẫn dắt, gợi mở để HS nêu được vai trò của trang phục, đúc kết thành kiến thức của bài học.

Các nội dung khác của bài đều có cấu trúc tương tự.

Ở phần *5. Đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục*, sách trình bày lí thuyết về ý nghĩa của kí hiệu trên nhãn hướng dẫn, làm cơ sở cho hoạt động thực hành. Phần thực hành được trình bày theo quy trình công nghệ với hình ảnh minh hoạ

và yêu cầu cần đạt ở mỗi bước nhằm giúp HS tự đánh giá được thao tác thực hành của bản thân, đồng thời giúp GV đánh giá được thao tác trong quá trình thực hành của HS.

Sau phần *Khám phá kiến thức* là phần *Luyện tập* với các câu hỏi, bài tập làm sáng tỏ và củng cố, khắc sâu kiến thức cho HS. Phần *Vận dụng* yêu cầu HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng vừa học để nhận biết trang phục mà các em mặc hằng ngày cũng như tự đánh giá cách sử dụng, bảo quản trang phục của mình để có sự điều chỉnh hợp lí, khoa học.

c. Minh họa một số trang trong bài học

7

TRANG PHỤC

- Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống;
- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm của bản thân và tính chất công việc;
- Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.

1. TRANG PHỤC VÀ VAI TRÒ CỦA TRANG PHỤC

– Quan sát Hình 7.1, em hãy kể tên những vật dụng trong các bộ trang phục người mẫu mặc và mang trên người.

– Hãy kể thêm những vật dụng chúng ta thường mặc và mang trên người.

– Những vật dụng nào được gọi là trang phục?

Hình 7.1. Một số bộ trang phục

Trang phục là các loại quần áo và một số vật dụng khác đi kèm như: mũ, giày, tất (vớ), khăn choàng,... Trong đó quần áo là những vật dụng quan trọng nhất.

Trang phục thay đổi theo sự phát triển của xã hội, ngày càng đa dạng, phong phú về kiểu dáng, mẫu mã để phục vụ cho nhu cầu may mặc của con người.

Trong mỗi trường hợp trong Hình 7.2 dưới đây, trang phục giúp ích cho con người như thế nào?

Trang phục đi mưa

Trang phục chống nắng

Trang phục mùa đông

Trang phục ngày lễ, Tết

Hình 7.2. Vai trò của trang phục

5. ĐỌC NHÃN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC

5.1. Ý nghĩa của kí hiệu trên nhãn hướng dẫn

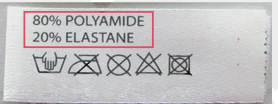
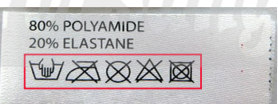
Phần lớn quần áo may sẵn đều có đính nhãn ghi thành phần sợi dệt và kí hiệu quy định chế độ giặt, là để người sử dụng tuân theo, tránh làm hư hỏng sản phẩm. Dưới đây là một số kí hiệu giặt, là thông dụng.

Bảng 7.3. Một số kí hiệu giặt, là thông dụng

	Có thể giặt		Có thể sấy		Chỉ là với nhiệt độ thấp
	Không được giặt		Không được sấy		Có thể là với nhiệt độ trung bình
	Chỉ giặt bằng tay		Có thể tẩy		Có thể là với nhiệt độ cao (không quá 200 °C)
	Có thể giặt với nhiệt độ cao nhất là 30 °C		Không được tẩy		Không được là

5.2. Các bước đọc nhãn hướng dẫn

Bảng 7.4. Quy trình đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục

TT	Các bước thực hiện	Chi tiết và hình minh họa	Yêu cầu cần đạt
1	Xác định loại trang phục được gắn nhãn	Áo ngắn, váy, đầm, quần, khăn choàng,...	Nhận biết được loại trang phục
2	Đọc thành phần sợi dệt trên nhãn		Nhận biết được thành phần sợi dệt
3	Đọc các kí hiệu sử dụng và bảo quản		Nhận biết được các kí hiệu
4	Ghi nhận cách sử dụng và bảo quản trang phục được gắn nhãn	Vẽ và giải thích các kí hiệu	– Cách giặt – Cách là – Các hướng dẫn khác

Một số kí hiệu khác về giặt, là có thể gặp trên nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục:



Giặt với nhiệt độ thấp



Nên giặt khô



Sấy với nhiệt độ thấp



Không giặt khô

LUYỆN TẬP

1. Em hãy chỉ ra vật dụng nào là trang phục trong những vật dụng dưới đây. Nêu vai trò của từng loại vật dụng đó.



Khăn quàng đỏ



Ba lô



Máy tính cầm tay



Cà vạt



Điện thoại di động

2. Theo em, mỗi trang phục dưới đây ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc như thế nào?



a



b



c



d



e

3. Em hãy giải thích vì sao những bộ trang phục dưới đây **không nên** mặc để đi học.



a



b



c



d

4. Mỗi loại trang phục dưới đây phù hợp để sử dụng trong hoàn cảnh nào?



a



b



c



d

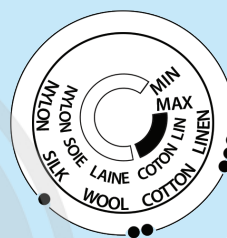
5. Có một số quần áo như hình dưới đây, em có thể kết hợp thành bao nhiêu bộ trang phục phù hợp?

6. Hãy chọn ra 3 bộ trang phục mà em thích nhất.



7. Dựa vào các thang nhiệt trên bàn là và kí hiệu là trong hình bên, em hãy cho biết các loại vải sau đây được là ở vị trí mức nhiệt nào.

Nylon, lụa tơ tằm (soie/silk), len (laine/wool), lanh (lin/linen), bông (coton/cotton).



VẬN DỤNG

1. Hãy kể những vật dụng trong bộ đồng phục lên lớp và đồng phục thể dục của trường em.
2. Mô tả bộ trang phục đi chơi phù hợp với vóc dáng của em.
3. Tủ quần áo của em đã được sắp xếp như thế nào?
4. Em hãy quan sát các nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản đính trên quần áo của mình để nhận định về cách sử dụng và bảo quản quần áo của bản thân.

GHI NHỚ

Trang phục bao gồm các loại quần áo và một số vật dụng như: mũ, giày, tất, khăn choàng... Trang phục ngày càng đa dạng, phong phú về kiểu dáng và chất liệu.

Trang phục có chức năng bảo vệ cơ thể chống lại những tác hại của thời tiết và môi trường, đồng thời làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động.

Mỗi người cần dựa vào đặc điểm của bản thân để lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc.

Sử dụng và bảo quản trang phục đúng cách sẽ giữ được vẻ đẹp, độ bền của trang phục và tiết kiệm chi tiêu cho may mặc. Cần lưu ý sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn quần áo.



3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN CÔNG NGHỆ

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Công nghệ

Ngoài các định hướng chung về phương pháp giáo dục được nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, phương pháp dạy học môn Công nghệ cần chú trọng các vấn đề sau:

– *Quán triệt tinh thần “lấy người học làm trung tâm”*: các phương pháp dạy học cần phát huy tính tích cực, tự giác và sáng tạo của HS. GV cần tổ chức quá trình dạy học kiến tạo; thông qua các hoạt động, HS được tham gia tìm tòi, phát hiện và suy luận để giải quyết vấn đề.

– *Phát triển năng lực của HS*: khi thiết lập các hoạt động dạy học cho mỗi nội dung, chủ đề học tập, ngoài việc đáp ứng mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực chung cốt lõi được nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, mục tiêu HS đạt được về kiến thức và kĩ năng cho nội dung đó thì các hoạt động dạy học còn phải đáp ứng việc phát triển năng lực đặc thù của môn học với mô hình gồm các thành phần: nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, sử dụng công nghệ, đánh giá công nghệ và thiết kế kĩ thuật.

– *Tổ chức cho HS học tập qua hành động, học tập trải nghiệm*: sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo; vận dụng, gắn kết với thực tiễn và định hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn nhằm nâng cao sự hứng thú của HS, góp phần hình thành năng lực, phẩm chất mà bài học đảm nhiệm.

– *Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực*: GV cần tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực và phù hợp với nhiệm vụ hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS như: dạy học dựa trên giải quyết vấn đề; dạy học dựa trên trải nghiệm, khám phá; dạy học thực hành cùng những kĩ thuật dạy học tương ứng.

– *Dạy học giải quyết vấn đề*: với quan điểm chung của giáo dục phổ thông là đảm bảo phát triển phẩm chất và năng lực của HS, chú trọng giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; mỗi bài học đều đặt ra các vấn đề cần giải quyết thông qua nội dung được trình bày trong bài học. Kết thúc quá trình dạy học, GV phải dẫn dắt HS giải quyết được những câu hỏi hay tình huống đã đặt ra.

– *Xây dựng môi trường học tập dân chủ*: cần thiết lập môi trường học tập an toàn và thoải mái, phát huy tối đa tính dân chủ trong lớp học, đảm bảo mọi HS đều được

phát biểu, đóng góp, chia sẻ ý kiến của bản thân trong các tình huống học tập đa dạng trong và ngoài lớp học.

– *Sử dụng hiệu quả phương tiện, thiết bị dạy học*: cần khai thác có hiệu quả hệ thống các thiết bị dạy học tối thiểu theo nguyên lý thiết bị, phương tiện dạy học là nguồn tri thức chứ không chỉ là đối tượng minh hoạ nội dung hoạt động.

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Dạy học môn Công nghệ theo định hướng phát triển năng lực của HS là cách thức tổ chức quá trình dạy học thông qua một chuỗi các hoạt động học tập tích cực, độc lập, sáng tạo của HS với sự hướng dẫn, trợ giúp của GV nhằm hướng đến mục tiêu hình thành và phát triển năng lực công nghệ. Quá trình đó có thể được tổ chức theo chu trình: *Trải nghiệm, khám phá – Rút ra bài học – Luyện tập – Vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn*. Như vậy, quá trình tổ chức dạy học của GV không chỉ chú ý với mặt tích cực hoá hoạt động học tập của HS mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống thực tiễn. Đặc biệt đối với môn Công nghệ 6, nội dung dạy học gồm các lĩnh vực công nghệ ở gia đình, đây là những vấn đề rất gần gũi và diễn ra trong cuộc sống hằng ngày của HS. Vì vậy, việc gắn kết kiến thức khoa học với các tình huống thực tiễn được thực hiện rất thuận lợi.

GV có thể tăng cường hoạt động nhóm, đổi mới mối quan hệ giữa GV – HS và HS – HS theo hướng cộng tác nhằm phát triển năng lực cá nhân, năng lực xã hội,... của HS. Trong SGK Công nghệ 6 được thiết kế có nhiều hoạt động khám phá kiến thức và hoạt động thực hành. GV có thể cân nhắc tổ chức thành các hoạt động theo cặp, hoạt động nhóm để giúp HS có cơ hội tương tác thực hành, giúp tăng tính chủ động, tích cực trong việc học.

Một trong những đặc điểm nội dung của giáo dục công nghệ là giúp HS hình thành và phát triển năng lực thiết kế công nghệ, đề cao tính sáng tạo của HS. Trong quá trình dạy học, GV cần tìm hiểu kĩ mục tiêu của bài học, kết hợp các nội dung trong sách với tình hình thực tế của HS để tổ chức các hoạt động thực hành hoặc làm dự án, tạo điều kiện cho HS thả sức sáng tạo từ những kiến thức, kĩ năng học được.

Đặc trưng của giáo dục công nghệ là rèn luyện kĩ năng, hình thành kĩ xảo. Vì vậy, tổ chức dạy học thực hành là hoạt động cần thiết trong dạy học môn Công nghệ 6. Tùy theo nội dung bài học, các bài thực hành ở Chương 3 (Trang phục và thời trang) và Chương 4 (Đồ dùng điện trong gia đình), có thể được GV cho triển khai tại ngay tại lớp



học. Đối với bài *Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt* ở Chương 2 (Bảo quản và chế biến thực phẩm), tùy theo điều kiện thực tế tại trường học mà GV có thể tổ chức thực hành tại phòng thực hành công nghệ hoặc sắp xếp để HS thực hành ngay tại lớp (khi đó các bước chuẩn bị, sơ chế nguyên liệu sẽ được HS thực hiện trước ở nhà).

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN CÔNG NGHỆ

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

4.1.1. Định hướng đánh giá kết quả học tập trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể

1. Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học và chuyên đề học tập lựa chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS.

3. Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì ở cơ sở giáo dục, các kì đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương và các kì đánh giá quốc tế. Cùng với kết quả của các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn; kết quả các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HS trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

4. Việc đánh giá thường xuyên do GV phụ trách môn học tổ chức, kết hợp đánh giá của GV, của cha mẹ HS, của bản thân HS được đánh giá và của các HS khác.

5. Việc đánh giá định kì do cơ sở giáo dục tổ chức để phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình.

6. Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

7. Phương thức đánh giá bảo đảm độ tin cậy; khách quan; phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học; không gây áp lực lên HS; hạn chế tốn kém cho ngân sách nhà nước, gia đình HS và xã hội.

8. Nghiên cứu từng bước áp dụng các thành tựu của khoa học đo lường, đánh giá trong giáo dục và kinh nghiệm quốc tế vào việc nâng cao chất lượng đánh giá kết quả giáo dục, xếp loại HS ở cơ sở giáo dục và sử dụng kết quả đánh giá trên diện rộng làm công cụ kiểm soát chất lượng đánh giá ở cơ sở giáo dục.

4.1.2. Định hướng đánh giá kết quả học tập trong Chương trình môn Công nghệ

1. Mục đích đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học tập môn học. Qua đó, điều chỉnh hoạt động dạy và học.

2. Căn cứ đánh giá, các tiêu chí đánh giá và hình thức đánh giá bảo đảm phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực công nghệ. Coi trọng đánh giá hoạt động thực hành; vận dụng kiến thức, kĩ năng làm ra sản phẩm của HS; vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

3. Sử dụng đa dạng các phương pháp, hình thức đánh giá khác nhau bảo đảm đánh giá toàn diện HS; chú trọng đánh giá bằng quan sát trong đánh giá theo tiến trình và đánh giá theo sản phẩm. Với mỗi nhiệm vụ học tập, tiêu chí đánh giá được thiết kế đầy đủ dựa trên yêu cầu cần đạt và được công bố ngay từ đầu để định hướng cho HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập; công cụ đánh giá phải phản ánh được yêu cầu cần đạt nêu trong mỗi chủ đề, mạch nội dung.

4. Kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Trong đó, đánh giá quá trình phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và tích hợp vào trong các hoạt động dạy học, đảm bảo mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ của HS; khuyến khích tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực môn Công nghệ

4.2.1. Một số hình thức kiểm tra, đánh giá trong môn Công nghệ

a. Đánh giá quá trình

Đánh giá quá trình hay đánh giá thường xuyên là hình thức đánh giá nhiều lần trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin về kết quả học tập cho GV và HS

để điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy và hoạt động học, đồng thời giúp GV đánh giá chính xác kết quả học tập của HS trong suốt quá trình học tập. Về nội dung đánh giá quá trình, GV có thể đánh giá mức độ đạt được mục tiêu dạy học, yêu cầu cần đạt của HS trong một bài, chương hoặc một phần của chương.

b. Đánh giá tổng kết

Đánh giá tổng kết được sử dụng để đánh giá mức độ đạt được mục tiêu dạy học của HS khi kết thúc môn học. Kết quả đánh giá tổng kết có thể sử dụng để xác định năng lực của HS và xếp loại học tập.

c. Đánh giá cá nhân và theo nhóm

– Đánh giá cá nhân là đánh giá mức độ đạt được mục tiêu dạy học, yêu cầu cần đạt đối với từng cá nhân HS thông qua kiểm tra vấn đáp, kiểm tra thực hiện quy trình thực hành và sản phẩm thực hành của cá nhân HS. Đánh giá cá nhân thường áp dụng cho đánh giá quá trình, đánh giá thường xuyên hoặc khi cần đánh giá chính xác từng HS.

– Đánh giá theo nhóm là đánh giá mức độ đạt được mục tiêu dạy học, yêu cầu cần đạt của một nhóm HS hoặc cả lớp cùng một lúc. Đánh giá theo nhóm thường được áp dụng để đánh giá một nhóm HS hoặc cả lớp trong cùng một thời gian.

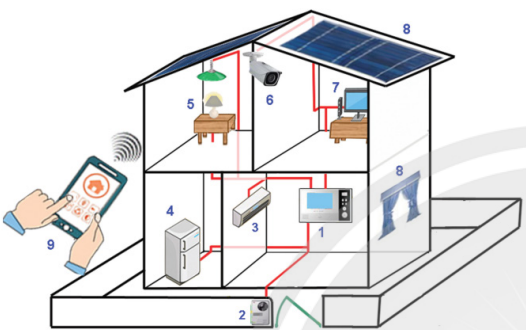
4.2.2. Một số ví dụ về phương pháp và công cụ đánh giá trong môn Công nghệ

a. Đánh giá kiến thức

Để đánh giá kiến thức của HS, GV có thể sử dụng phương pháp đánh giá trắc nghiệm, câu hỏi mở, bài tập tự luận hoặc kết hợp cả 3 phương pháp.

Ví dụ 1: Phương pháp trắc nghiệm

Em hãy quan sát hình vẽ và điền số thứ tự của thiết bị có trong hình tương ứng với tên gọi sau đây:

	Tên gọi thiết bị	Số thứ tự trong hình vẽ
	Máy điều hoà nhiệt độ tắt/mở tự động	
	Đèn chiếu sáng tắt/mở tự động	
	Hệ thống điều khiển kết nối với các thiết bị trong nhà	
	Hệ thống kiểm soát an ninh tự động	
	Chuông báo và thiết bị nhận diện khuôn mặt để mở cửa tự động	
	Đồ dùng nhà bếp tắt/mở tự động	
	Điều khiển các thiết bị trong nhà bằng điện thoại, máy tính bảng	
	Tận dụng năng lượng mặt trời và gió tự nhiên	
	Thiết bị giải trí tắt/mở tự động	

Ví dụ 2: Câu hỏi mở

Em có nhận xét gì về cách ăn uống của mình? Nếu chưa hợp lí, em cần phải điều chỉnh lại như thế nào?

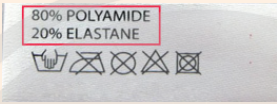
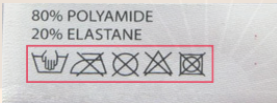
Ví dụ 3: Bài tập tự luận

Giả sử giá của 1 số điện là 1 856 đồng và công suất định mức của một máy điều hoà nhiệt độ là 750 W. Nếu mỗi ngày sử dụng máy này liên tục 6 giờ thì tiền điện trong 1 tháng (30 ngày) của gia đình em là bao nhiêu? Nếu giảm thời gian sử dụng máy xuống còn 4 giờ mỗi ngày thì trong 1 tháng, gia đình em sẽ tiết kiệm được bao nhiêu tiền điện?

b. Đánh giá kĩ năng

Đánh giá kĩ năng được thực hiện trong nội dung thực hành thông qua việc thực hiện đúng quy trình thực hành và hoàn thành sản phẩm thực hành đúng yêu cầu kĩ thuật (tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành).

Ví dụ 4: Đánh giá thực hiện quy trình đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục

TT	Các bước thực hiện	Chi tiết và hình ảnh minh họa	Yêu cầu cần đạt	Kết quả thực hiện quy trình	
				Đạt	Không đạt
1	Xác định loại trang phục được gắn nhãn	Áo ngắn, váy, đầm, quần, khăn choàng	Nhận biết được loại trang phục		
2	Đọc thành phần sợi dệt trên nhãn		Nhận biết được thành phần sợi dệt		
3	Đọc các kí hiệu sử dụng và bảo quản		Nhận biết được các kí hiệu		
4	Ghi nhận cách sử dụng và bảo quản trang phục được gắn nhãn	Vẽ và giải thích các kí hiệu	– Cách giặt – Cách là – Các hướng dẫn khác		

Ví dụ 5: Đánh giá sản phẩm thực hành chế biến món nộm (gỏi) dưa chuột (dưa leo), cà rốt

Sản phẩm thực hành	Yêu cầu cần đạt	Kết quả thực hiện quy trình	
		Đạt	Không đạt
	Món ăn ráo nước, có độ giòn và không bị nát		
	Món ăn có mùi thơm đặc trưng của các nguyên liệu		
	Món ăn có màu sắc đặc trưng của từng loại nguyên liệu		
	Món ăn có vị vừa ăn		
	Món ăn được trang trí đẹp mắt		

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC TÀI LIỆU HỌC ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cùng nhóm tác giả sẽ hỗ trợ các GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn học liệu điện tử liên quan đến môn Công nghệ lớp 6 để xây dựng các bài giảng.

5.2. Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học môn Công nghệ

Để phục vụ cho việc khai thác nguồn tài nguyên trong dạy học môn Công nghệ, các học liệu liên quan đến môn học sẽ được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đăng công khai trên các trang web trực tuyến.

– Khai thác tài liệu tập huấn:

GV sẽ được nhà trường và các cơ sở quản lý cung cấp tài khoản để truy cập và sử dụng nguồn tài nguyên số cho việc hỗ trợ dạy học Công nghệ 6. “Hướng dẫn sử dụng nền tảng Tập huấn GV cho tài khoản GV” có tại <https://taphuan.nxbgd.vn/huong-dan-su-dung>. Sau khi đăng kí và đăng nhập, GV sẽ được đưa đến giao diện học liệu điện tử của NXB để bắt đầu sử dụng.

Trang <https://taphuan.nxbgd.vn> cung cấp:

- + Video bài giảng tập huấn GV Công nghệ 6.
- + Slide bài giảng tập huấn GV Công nghệ 6.
- + Tài liệu tập huấn GV Công nghệ 6 (pdf) (tài liệu này).
- + Video tiết học minh hoạ.
- + Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học (pdf).

– Khai thác tài liệu giáo khoa điện tử:

Ngoài tài liệu tập huấn sử dụng SGK, GV có thể khai thác thêm các nguồn tài liệu giáo khoa điện tử để phục vụ cho việc dạy học môn Công nghệ lớp 6.

Trang <https://hanhtrangso.nxbgd.vn> cung cấp:

- + SGK, SBT và SGV Công nghệ 6 phiên bản điện tử.
- + Phần luyện tập.
- + Học liệu điện tử gồm video, hình ảnh GIF, 3D và một số file audio.
- + Bài giảng điện tử gồm Bài giảng tham khảo và Kịch bản tham khảo.



6. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN CÔNG NGHỆ

6.1. Nội dung học tập

Công nghệ là môn học mang tính thực tiễn và tính thời sự cao. Do đó, nội dung môn học cần được thiết kế xuất phát từ thực tiễn và phải được vận dụng, thực hành, kiểm nghiệm trong thực tiễn; đồng thời đảm bảo đáp ứng được những đòi hỏi, yêu cầu của thực tiễn sản xuất và đời sống. Trong quá trình dạy học, cần gắn lí thuyết với thực hành; gắn hoạt động học tập ở lớp với hoạt động trải nghiệm, vận dụng ở gia đình và cộng đồng; thường xuyên cập nhật những thành tựu mới của khoa học.

Công nghệ là môn học mang tính tổng hợp và tích hợp. Vì vậy, nội dung giảng dạy cần được xây dựng theo nguyên tắc kĩ thuật tổng hợp và liên kết với các môn học khác như: Toán, Khoa học tự nhiên, Mĩ thuật,...

Giáo dục công nghệ ở phổ thông có nội dung đa dạng, phong phú nhưng chỉ có thời lượng hạn chế. Vì thế, những nội dung được trình bày trong môn Công nghệ lớp 6 là những nội dung cốt lõi. Với chủ trương tạo sự tự chủ trong lựa chọn nội dung, nếu những sản phẩm công nghệ được đề cập trong SGK không phổ biến hay chưa có ở địa phương, khu vực dân cư nào đó thì GV có thể thay đổi bằng các sản phẩm công nghệ khác gần gũi, phù hợp với HS ở địa phương và được thể hiện trong kế hoạch giáo dục nhà trường.

6.2. Phương pháp dạy học

Ngoài các định hướng chung về phương pháp giáo dục được nêu trong Chương trình Giáo dục tổng thể, phương pháp dạy học môn Công nghệ cần chú trọng các vấn đề sau:

– *Dạy tích hợp theo chủ đề*: xuyên suốt nội dung sách Công nghệ 6 là các bài học được xây dựng tích hợp theo chủ đề. Mạch nội dung chủ đạo của mỗi bài học là kiến thức khoa học và quy trình thực hành, sau đó đến phần luyện tập và vận dụng. Vì vậy, nội dung SGK Công nghệ 6 rất phù hợp cho GV vận dụng phương pháp dạy học theo định hướng trải nghiệm và dạy học dự án. Bên cạnh đó, nội dung dạy học môn Công nghệ lớp 6 có tính thực tiễn nên dễ dàng triển khai cho HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong đời sống.

– *Dạy học thực hành kĩ thuật*: đặc điểm của dạy học thực hành kĩ thuật trong môn Công nghệ là quy trình và sản phẩm thực hành. Do đó, khi dạy thực hành GV cần lưu ý hướng dẫn HS thực hiện đúng các bước của quy trình thực hành và cung cấp đầy đủ các tiêu chí, yêu cầu kĩ thuật của sản phẩm thực hành.

– *Tổ chức kết hợp nhiều hoạt động trải nghiệm*: môn Công nghệ có tính thực tiễn cao nên trong dạy học, GV cần chú trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong lớp thông qua các hoạt động học tập; tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài lớp học thông qua các hoạt động thực tiễn trong khuôn viên nhà trường và các cuộc thi khoa học kĩ

thuật do GV hoặc nhà trường tổ chức; tổ chức tham quan, học tập thực tế ngoài xã hội như: tham quan nhà máy, xí nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất.

6.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

– *Định hướng chung*: bám sát các định hướng chung về đánh giá đã được nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể.

– *Kết hợp đánh giá tiến trình và đánh giá kết quả*: kết hợp đa dạng các phương pháp đánh giá khác nhau đảm bảo đánh giá toàn diện HS; chú trọng đánh giá bằng quan sát trong cả hai trường hợp là quá trình và sản phẩm.

– *Đánh giá dựa trên tiêu chí, đảm bảo tính chính xác*: với mỗi nhiệm vụ học tập, tiêu chí đánh giá được thiết kế đầy đủ, theo hướng yêu cầu cần đạt và được công bố ngay từ đầu để định hướng cho HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

– *Đánh giá theo yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực*: quan điểm xây dựng Chương trình Giáo dục phổ thông chỉ quy định các nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt đối với phẩm chất và năng lực của HS. Do đó, phương pháp đánh giá kết quả học tập cần sử dụng các câu hỏi có tính tổng hợp hoặc những bài toán thực tiễn để rèn luyện cho HS khả năng tư duy, khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề. GV có thể đánh giá thông qua các dự án học tập với các chủ đề mang tính tích hợp nội dung kiến thức, kĩ năng nhiều bài học trong chương và tích hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác.

Chân trời sáng tạo



PHẦN HAI

GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Các bài học trong SGK môn Công nghệ có thể quy về 3 dạng sau:

1. Dạng bài tích hợp theo chủ đề
2. Dự án học tập
3. Dạng bài ôn tập chương

Mỗi dạng bài có một cách thức tổ chức dạy học riêng. Sau đây là hướng dẫn dạy học cho từ dạng bài cụ thể:

1. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CHO DẠNG BÀI TÍCH HỢP THEO CHỦ ĐỀ

a. Mục tiêu

Yêu cầu cần đạt

b. Chuẩn bị

- Chuẩn bị của GV
- Chuẩn bị của HS

c. Hoạt động dạy học

- Lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy học
- Hoạt động khởi động
- Hoạt động tìm kiếm/phát triển kiến thức mới
- Hoạt động thực hành kĩ thuật theo quy trình
- Hoạt động luyện tập
- Hoạt động vận dụng
- Kết luận chung

d. Tổng kết đánh giá

Ví dụ minh họa:

Bài 8. THỜI TRANG (2 tiết)

a. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.
- Lựa chọn được bộ trang phục theo thời trang phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.
- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân.

b. Chuẩn bị

❖ Chuẩn bị của GV

- Tìm hiểu mục tiêu bài.
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK và SBT là tài liệu tham khảo chính.
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: hình ảnh các bộ sưu tập thời trang theo nhiều phong cách, clip ngắn về buổi trình diễn thời trang, hình ảnh các bộ trang phục đi chơi cho bạn nam và nữ.
- Rập mẫu thân người (cung cấp cho HS để in vào giấy) mô phỏng cho nhiều dáng người: thiếu niên nam, nữ, gầy, béo, cao, thấp,...

❖ Chuẩn bị của HS

- Đọc trước bài học trong SGK.
- Sưu tập hình ảnh trang phục thời trang.
- Dụng cụ, vật liệu cần thiết:

TT	Tên dụng cụ, vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Giấy A4	Tờ	1	
2	Bút chì	Cây	1	
3	Tẩy (Gôm)	Cục	1	
4	Bút màu (hoặc màu nước)	Hộp	1	

c. Hoạt động dạy học

❖ Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo.
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

❖ Khởi động

- GV nêu tình huống, hình ảnh minh họa trang phục thời trang và đặt câu hỏi (SGK): Thời trang khác với trang phục như thế nào?

(GV cũng có thể cho HS xem clip ngắn về buổi trình diễn thời trang và nêu câu hỏi)

- Yêu cầu HS nêu ý kiến cá nhân.
- GV giới thiệu mục tiêu bài.

❖ Hoạt động tìm kiếm/phát triển kiến thức mới

1. KHÁI NIỆM THỜI TRANG

– GV yêu cầu HS quan sát Hình 8.1 và trả lời câu hỏi (SGK). Giúp HS nhận biết thời trang áo dài ở mỗi thời kì là kiểu dáng áo dài phổ biến, được nhiều người mặc trong thời gian đó. Trong trường hợp này thời trang là sự thay đổi kiểu dáng trang phục.

– Yêu cầu HS quan sát Hình 8.2 và trả lời câu hỏi (SGK). Giúp HS nhận biết thời trang những năm 80 là kiểu hoa văn ca rô, được nhiều người mặc trong thời gian đó. Trong trường hợp này thời trang là sự thay đổi họa tiết, hoa văn của trang phục.

– Nêu thêm các trường hợp thay đổi theo thời trang của trang phục qua các thời kì. Giúp HS nhận biết thời trang là sự thay đổi các yếu tố của trang phục.

– Tổng hợp các trường hợp và yêu cầu HS rút ra kết luận về khái niệm thời trang.

– Phân tích sự thay đổi kiểu dáng áo dài qua nhiều thời kì, hoa văn kẻ ca rô là thời trang những năm 80 → thời trang chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định.

– GV điều chỉnh câu trả lời của HS để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– Yêu cầu HS làm việc theo cặp: quan sát Hình 8.3 và trả lời câu hỏi (SGK). Sau đó gợi mở, giúp HS phân tích kiểu dáng, màu sắc của bộ trang phục để nhận biết phong cách (ý nghĩa) thời trang của mỗi bộ trang phục.

– Cho HS xem thêm hình ảnh trang phục theo các phong cách thời trang khác nhau. Phân tích kiểu dáng, màu sắc, hoa văn,... của trang phục để xác định phong cách thời trang.

– Yêu cầu HS nhắc lại các thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

2. THỜI TRANG PHẢN ÁNH TÍCH CÁCH CỦA NGƯỜI MẶC

– GV yêu cầu các nhóm HS quan sát Hình 8.4 và phân tích từng hình để trả lời câu hỏi (SGK).

– GV tổng kết kết quả thảo luận và bổ sung.

Gợi ý đáp án: cùng là kiểu trang phục áo sơ mi và quần tây nhưng mỗi bộ trang phục thể hiện một phong cách khác nhau:

+ Hình 8.4a thể hiện sự đơn giản.

+ Hình 8.4b rộng thùng thình, không thể hiện sự gọn gàng nhưng kiểu quần tây, áo sơ mi cho thấy sự nghiêm chỉnh, lịch sự.

+ Hình 8.4a và 8.4c giúp người mặc có vẻ trẻ trung, năng động.

+ Các bộ trang phục lịch sự, trang trọng phù hợp để đến công sở.

– GV minh hoạ thêm hình ảnh các phong cách thời trang khác nhau thể hiện qua trang phục.

– Phân tích: mỗi người thường mặc những kiểu trang phục họ mà yêu thích. Ví dụ: người có tính cách giản dị sẽ thích mặc những trang phục đơn giản chứ không thích mặc trang phục cầu kì, rườm rà → cách ăn mặc thể hiện cá tính của người mặc: cầu kì, đơn giản, trẻ trung, năng động, lịch sự, xuề xòa,...

– GV rút ra kết luận cách ăn mặc phù hợp với bản thân, với xã hội, cách ứng xử đúng mực tạo nên vẻ đẹp của mỗi người. Không nên sử dụng những trang phục theo thời trang quá dị, lò lằng sẽ làm xấu hình ảnh của bản thân trong mắt mọi người.

– Khuyến khích HS nêu lên phong cách thời trang mà bản thân yêu thích. GV điều chỉnh để hướng HS đến việc thể hiện nét đẹp của bản thân qua trang phục.

– Yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

❖ Hoạt động thực hành kĩ thuật theo quy trình

3. LỰA CHỌN TRANG PHỤC PHÙ HỢP THEO THỜI TRANG

Các bước lựa chọn trang phục theo thời trang

– GV giới thiệu quy trình lựa chọn trang phục phù hợp với tình huống cho trước.

– GV nêu yêu cầu của bài thực hành: chọn bộ trang phục phù hợp với tình huống do GV cho trước, vẽ minh hoạ bộ trang phục đã chọn vào tờ giấy khổ A4.

– GV nêu yêu cầu của bộ trang phục:

+ Phù hợp với xu hướng thời trang.

+ Phù hợp với vóc dáng.

+ Phù hợp với lứa tuổi.

+ Phù hợp với môi trường hoạt động.

+ Cần lưu ý lựa chọn chất liệu vải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.

– GV yêu cầu HS triển khai các bước thực hành.

– GV hướng dẫn HS in mẫu rập thân người vào giấy A4.

– GV hướng dẫn HS cách vẽ trang phục vào hình mẫu đã in.

– GV theo dõi, hỗ trợ HS phác hoạ ra nháp mẫu trang phục đã chọn và vẽ chính thức.

– GV quan sát quá trình thực hành của HS theo các bước của quy trình.

– Yêu cầu HS nộp bài báo cáo sau khi hết thời gian thực hành.

Đánh giá kết quả thực hành

• Đánh giá quy trình thực hành

TT	Các bước thực hiện	Có	Không
1	Xác định đặc điểm vóc dáng		
2	Xác định xu hướng thời trang		
3	Chọn loại trang phục		
4	Chọn kiểu may		
5	Chọn màu sắc, hoa văn		
6	Chọn chất liệu vải		
7	Chọn vật dụng đi kèm		
8	Vẽ minh họa bộ trang phục vào giấy		

• Đánh giá sản phẩm thực hành

- Đánh giá mức độ hoàn thành bài thực hành.
- Đánh giá bộ trang phục theo tiêu chí:
 - + Phù hợp với vóc dáng.
 - + Phù hợp với lứa tuổi.
 - + Phù hợp với môi trường hoạt động.
 - + Phối hợp màu sắc, hoa văn hài hoà đẹp mắt.

❖ Hoạt động luyện tập

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.
- GV gợi mở để HS nhận ra bộ trang phục có kiểu dáng, màu sắc thể hiện sự đơn giản, cổ điển (xưa, truyền thống) hoặc thể hiện đường nét giống trang phục đi học.
- GV khuyến khích HS nêu ý tưởng về bộ trang phục yêu thích, từ đó xác định phong cách thời trang mà bản thân muốn hướng tới.

❖ Hoạt động vận dụng

- GV yêu cầu HS dựa trên cơ sở bài thực hành đã thực hiện tại lớp để thực hiện bài tập trong phần *Vận dụng* (SGK).
- GV giao bài tập về nhà.
- GV khuyến khích HS tìm hiểu thời trang hiện hành và lựa chọn trang phục theo phong cách thời trang yêu thích.

❖ Kết luận chung

– GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học và dẫn dắt để HS nêu được các nội dung trong phần *Ghi nhớ* (SGK): khái niệm thời trang, khái niệm phong cách thời trang, tính chất chung của thời trang.

– Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi đã đặt ra ở phần *Khởi động* (SGK): Thời trang khác trang phục như thế nào?

d. Tổng kết – Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.





2. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CHO DỰ ÁN HỌC TẬP

a. Mục tiêu

Yêu cầu cần đạt

b. Chuẩn bị

- Chuẩn bị của GV
- Chuẩn bị của HS

c. Hoạt động dạy học

- Giới thiệu dự án
- Xây dựng kế hoạch
- Báo cáo dự án

d. Tổng kết đánh giá

Ví dụ minh họa:

DỰ ÁN 1. NGÔI NHÀ CỦA EM (1 tiết)

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng liên quan đến chủ đề nhà ở (đặc điểm chung của nhà ở, các kiến trúc nhà ở đặc trưng, sử dụng năng lượng trong gia đình, đặc điểm của ngôi nhà thông minh) để hình thành ý tưởng thiết kế một ngôi nhà.
- Lắp ráp một mô hình nhà ở với các đồ dùng gia dụng tiêu biểu từ những vật liệu có sẵn.
- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc tổ chức và thực hiện mô hình ngôi nhà.

b. Chuẩn bị

❖ Chuẩn bị của GV

- Dự kiến phân chia HS trong lớp thành các nhóm.
- Mô hình nhà làm mẫu (nếu có).

❖ Chuẩn bị của HS

- Sưu tầm hình ảnh về kiến trúc bên ngoài và không gian bên trong nhà ở.
- Các vật liệu để làm mô hình: giấy bìa cứng, giấy thủ công, que kem, que tre, hộp nhựa, đất nặn, màu nước, keo dán,...

c. Hoạt động dạy học

❖ Giới thiệu dự án

- Giới thiệu về kiến trúc sư, kĩ sư xây dựng: tên ngành đào tạo tại các cơ sở đào tạo, trình độ đào tạo.
- Giải thích công việc của kiến trúc sư và kĩ sư xây dựng trong thực tế.
- Nêu chủ đề của dự án, mục tiêu của dự án.
- Nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án.
- Nêu các nhiệm vụ (yêu cầu) cần thực hiện để hoàn thành dự án.
- Giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.
- Chia HS trong lớp thành các nhóm.

❖ Xây dựng kế hoạch

- Hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận để lập kế hoạch thực hiện mô hình ngôi nhà.
- Thảo luận dựa trên hình ảnh về kiến trúc nhà ở đã sưu tầm để thống nhất kiểu kiến trúc, không gian bên trong ngôi nhà mà nhóm định thực hiện.
- Hướng dẫn và gợi ý để HS vẽ phác thảo cấu trúc của ngôi nhà.
- Liệt kê các công việc cần làm: tính toán kích thước ngôi nhà, lắp ráp nhà, lắp ráp các đồ dùng trong từng khu vực, lắp ráp các công trình phụ bên ngoài nhà.
- Lập kế hoạch thời gian, các mốc thời gian cho từng công việc.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.
- Liệt kê các dụng cụ, vật liệu cần thiết: bìa cứng, giấy thủ công, que tre, hộp nhựa, tấm xốp, màu nước,...
- GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm.

❖ Báo cáo dự án

- Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án gồm các nội dung:
 - + Kiến trúc nhà, ý tưởng bố trí các không gian bên trong nhà.
 - + Cách sử dụng năng lượng của các đồ dùng trong nhà.
 - + Các yếu tố thể hiện đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
 - + Tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm.
- Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án và sản phẩm theo tiêu chí đã đề ra ban đầu.

d. Tổng kết – Đánh giá

- Nhận xét chung quá trình học tập của cả lớp.
- Đánh giá chung kết quả đạt được.



3. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CHO DẠNG BÀI ÔN TẬP CHƯƠNG

a. Mục tiêu

Yêu cầu cần đạt

b. Chuẩn bị

- Chuẩn bị của GV
- Chuẩn bị của HS

c. Hoạt động dạy học

- Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học
- Ôn tập chương:
 - + Hệ thống kiến thức, kĩ năng được học trong chương
 - + Câu hỏi ôn tập

d. Tổng kết đánh giá

Ví dụ minh họa:

ÔN TẬP CHƯƠNG 1 (1 tiết)

a. Mục tiêu

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về chủ đề nhà ở như: nhà ở đối với đời sống con người, xây dựng nhà, sử dụng năng lượng trong ngôi nhà, ngôi nhà thông minh.
- Vận dụng những kiến thức đã học xoay quanh chủ đề về nhà ở vào thực tiễn.

b. Chuẩn bị

❖ Chuẩn bị của GV

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của chương 1.
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và bài tập ôn tập (SGK và SBT là các tài liệu tham khảo chính).

❖ Chuẩn bị của HS

Ôn lại các kiến thức đã học, đọc trước nội dung của bài ôn tập.

c. Hoạt động dạy học

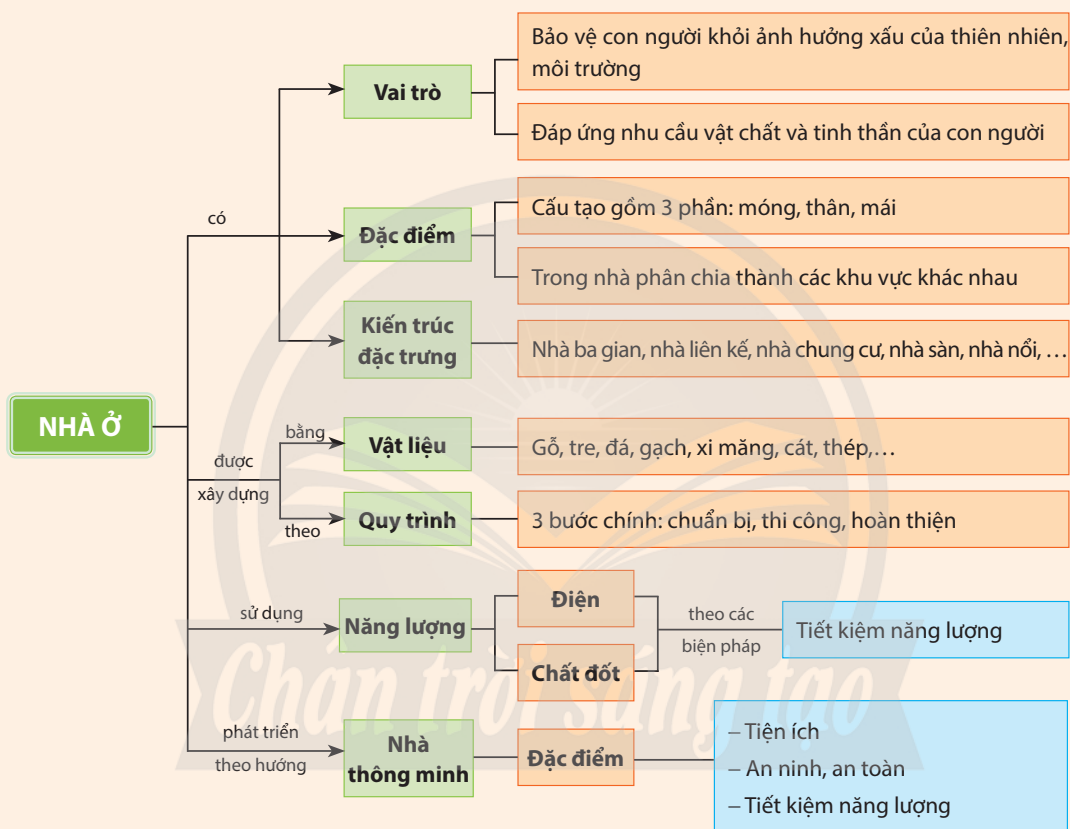
❖ Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Sử dụng nhóm phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

❖ Ôn tập chương

1. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CHƯƠNG 1

- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính đã học ở chương 1.
- GV đặt câu hỏi dẫn dắt và hướng dẫn HS về sơ đồ khối để hệ thống hoá kiến thức về nhà ở (SGK). GV có thể dùng sơ đồ tư duy để nhắc lại những ý chính của từng bài trong chương 1.
- Khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để phục hồi kiến thức chi tiết của chương 1.



2. CÂU HỎI ÔN TẬP

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập theo từng cá nhân (SGK).
- GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập.
- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV có thể cho HS ở nhóm khác nhận xét, góp ý kết quả thảo luận của các nhóm.
- GV nêu đáp án các câu hỏi và bài tập.

d. Tổng kết – Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh kiến thức cốt lõi của chương 1.



PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

1.1. Kết cấu sách giáo viên

SGV môn Công nghệ 6 gồm những phần và nội dung sau:

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG

- I. Mục tiêu của chương trình môn Công nghệ lớp 6
- II. Cấu trúc chương trình môn Công nghệ lớp 6
- III. Một số vấn đề cần lưu ý khi thực hiện chương trình môn Công nghệ lớp 6

PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY CỤ THỂ

CHƯƠNG 1. NHÀ Ở

- Bài 1. Nhà ở đối với con người
- Bài 2. Sử dụng năng lượng trong gia đình
- Bài 3. Ngôi nhà thông minh
- Dự án 1. Ngôi nhà của em
- Ôn tập Chương 1

CHƯƠNG 2. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

- Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng
- Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình
- Dự án 2. Món ăn cho bữa cơm gia đình
- Ôn tập Chương 2

CHƯƠNG 3. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG

- Bài 6. Các loại vải thường dùng trong may mặc
- Bài 7. Trang phục
- Bài 8. Thời trang
- Dự án 3. Em làm nhà thiết kế thời trang
- Ôn tập Chương 3

CHƯƠNG 4. ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH

Bài 9. Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình

Bài 10. An toàn điện trong gia đình

Dự án 4. Tiết kiệm trong sử dụng điện

Ôn tập Chương 4

1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

Để sử dụng SGK hiệu quả, cần lưu ý:

– GV cần phải phân tích mục tiêu dạy học của mỗi bài, tìm hiểu kĩ những điều lưu ý khi tổ chức dạy học được trình bày trong mỗi bài trước khi soạn giáo án. Trong đó, lưu ý sự khác nhau về điều kiện dạy học ở mỗi địa phương, từ đó chuẩn bị cho GV và HS theo từng bài phù hợp.

– Trong mỗi hoạt động dạy học, GV cần xác định được mục tiêu, nội dung, sản phẩm và gợi ý hoạt động dạy học.

– Dựa vào yêu cầu chuẩn bị, gợi ý phương pháp dạy học và hoạt động của GV, HS trong từng hoạt động học tập; GV lập kế hoạch dạy học/giáo án và tiến trình dạy học phù hợp.

2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ

2.1. Cấu trúc sách bổ trợ

SBT môn Công nghệ 6 có cấu trúc như sau:

CHƯƠNG 1. NHÀ Ở

Bài 1. Nhà ở đối với con người

Bài 2. Sử dụng năng lượng trong gia đình

Bài 3. Ngôi nhà thông minh

Ôn tập Chương 1

CHƯƠNG 2. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng

Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình

Ôn tập Chương 2

CHƯƠNG 3. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG

Bài 6. Các loại vải thường dùng trong may mặc

Bài 7. Trang phục

Bài 8. Thời trang

Ôn tập Chương 3

CHƯƠNG 4. ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH

Bài 9. Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình

Bài 10. An toàn điện trong gia đình

Ôn tập Chương 4

2.2. PHÂN TÍCH, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BÀI TẬP CÔNG NGHỆ 6

– Hệ thống bài tập được xây dựng phù hợp mục tiêu dạy học của từng bài học lí thuyết, đặc điểm nội dung môn Công nghệ lớp 6 và phù hợp với trình độ HS.

– GV sử dụng SBT để hướng dẫn và giao bài tập cho HS thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. Hệ thống bài tập được xây dựng theo chủ đề, có độ khó tăng dần giúp HS củng cố kiến thức, phát triển kĩ năng và năng lực vận dụng thực tiễn.



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: ĐẶNG CÔNG HIỆP

Thiết kế sách: BÙI THỊ NGỌC LAN

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Chế bản: CÔNG TY DVXBGD GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

- Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu
- Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.



**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN
CÔNG NGHỆ 6. BỘ SÁCH: CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số: ...

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/.....GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD – HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: